

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018)



PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký phát hành số ...20.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .02.. tháng .04. năm 2019.)

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Địa chỉ: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4384 2255

Fax: (84-27) 4384 1838

Website : <http://www.tdmwater.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trần Thế Hưng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-27) 4384 2255 – 4384 2277

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018)

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : TDM
Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng phát hành : 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 145.000.000.000 (Một trăm bốn mươi lăm tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC 2016:

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ : Tầng 6 – Tòa nhà HUD, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3840 6618 Fax: (84-28) 3840 6616
Website : www.vaco.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC 2017, 2018:

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính : 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3824 1990 Fax: (84-24) 3824 3973
Website : www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3972 4568 Fax : (84-24) 3972 4600
Website : www.vndirect.com.vn



MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro pháp lý.....	9
3.	Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh.....	10
4.	Rủi ro đặc thù.....	10
5.	Rủi ro của Đợt phát hành cổ phiếu, của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành.....	11
6.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	11
7.	Rủi ro quản trị công ty.....	13
8.	Rủi ro khác.....	13
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1.	Tổ chức phát hành.....	15
2.	Tổ chức niêm yết.....	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	18
1.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển.....	18
2.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	23
3.	Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông.....	28
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	30
5.	Hoạt động kinh doanh.....	30
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2016 –2018.....	40
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	42
8.	Chính sách đối với người lao động.....	44
9.	Chính sách cổ tức.....	47
10.	Tình hình tài chính của Công ty.....	48
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	58
12.	Tài sản.....	69
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	70
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	71



15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	72
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	72
V.	CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH.....	73
1.	Tên cổ phiếu	73
2.	Loại cổ phiếu	73
3.	Mệnh giá.....	73
4.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	73
5.	Giá phát hành	73
6.	Phương pháp tính giá	73
7.	Phương thức phân phối.....	74
8.	Thời gian phân phối cổ phiếu	79
9.	Đăng ký mua cổ phiếu	80
10.	Xử lý cổ phiếu còn dư.....	80
11.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	80
12.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	81
13.	Các loại thuế có liên quan	81
14.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	82
VI.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	82
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH.....	77
VIII.	PHƯƠNG ÁN KHẢ THI	78
IX.	MỤC TIÊU DỰ ÁN, PHẠM VI PHỤC VỤ, NHU CẦU DÙNG NƯỚC VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ'.....	81
X.	PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH KHÔNG THÀNH CÔNG..	86
XI.	Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH	87
IX.	PHỤ LỤC	87



DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2021F.....	7
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019F	8
Hình 3: Lãi suất cho vay ngắn hạn và tỷ lệ lạm phát 2011 - 2017	9
Sơ đồ : Cơ cấu bộ máy quản lý CTCP Nước Thủ Dầu Một.....	24
Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 02/01/2019.....	28
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 02/01/2019.....	29
Bảng 3: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước sạch của Công ty.....	33
Bảng 4: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính trong giai đoạn 2016 –2018	34
Bảng 5: Lợi nhuận gộp Công ty năm 2016 –2018	35
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu Công ty năm 2016 –2018.....	35
Bảng 7: Chi phí SXKD Công ty năm 2016 –2018	37
Bảng 8: Một số hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tác	39
Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	40
Bảng 10: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2017 của các công ty trong ngành	44
Bảng 11: Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn	46
Bảng 12: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất.....	47
Bảng 13: Mức lương bình quân.....	49
Bảng 14: Mức lương bình quân của một số công ty trong ngành	49
Bảng 15: Các khoản phải nộp theo luật định.....	49
Bảng 16: Các khoản nợ vay của Công ty	50
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu	51
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả	50
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	56
Bảng 20: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018	74
Bảng 21: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của TDM.....	70
Bảng 22: Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá.....	74
Bảng 23: Thông kê dân số khu vực dự án.....	82
Bảng 24: Tốc độ tăng dân số trung bình trong các năm và cho từng năm	82



Bảng 25: Tốc độ phát triển dân số các khu vực qua từng thời kỳ	83
Bảng 1: Dự báo dân số khu vực dự án	83
Bảng 2: Dự báo nhu cầu dùng nước khu vực dự án	84
Bảng 3: Các thông số sử dụng để phân tích khả năng hoàn vốn của dự án	86
Bảng 4: Kết quả chính phân tích Kinh tế - Tài chính	86

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Các tổ chức quốc tế lớn như Tổ chức Tiền tệ quốc tế (IMF), WB (Ngân hàng thế giới) và UN (Liên hợp quốc) cùng chung nhận định kinh tế toàn cầu bắt đầu tăng trưởng chậm lại, trong đó IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan nhất, tăng 3,9% (trong đó các nước công nghiệp phát triển tăng 2,3%; các nước đang phát triển tăng 4,9%). Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) dự đoán thương mại toàn cầu đang chững lại trong thời gian tới.

Kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng vững chắc và dự báo đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2018, khoảng 3,1%, nhờ chính sách cắt giảm thuế phát huy hiệu quả, kích thích đầu tư và phục hồi tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát đạt các mức kỳ vọng của chính phủ.

Mặc dù bất ổn chính trị và sự kiện Brexit tác động, kinh tế khu vực châu Âu tiếp tục cho thấy triển vọng khả quan. Tăng trưởng dự kiến đạt khoảng 2% năm 2019. Tuy nhiên, áp lực về giá và tăng trưởng việc làm ở khu vực này vẫn duy trì ở mức cao.

Kinh tế Trung Quốc đang có thêm các dấu hiệu “hạ nhiệt” giữa bối cảnh Mỹ áp đặt các mức thuế thương mại mới đối với hàng hóa Trung Quốc. Hoạt động đầu tư vào các tài sản cố định của Trung Quốc đã chậm lại nhiều hơn dự đoán xuống còn 5,3% trong 8 tháng đầu năm 2018, trong lúc doanh số bán lẻ chững lại, phản ánh nhu cầu nội địa yếu đi và niềm tin kinh doanh sụt giảm. Thị trường chứng khoán sụt giảm, đồng NDT chưa có dấu hiệu phục hồi.

Theo dự báo của IMF, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm xuống 6,6% năm 2018 và 6,4% năm 2019. Đà giảm tốc tăng trưởng của Trung Quốc cũng ảnh hưởng tới tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, theo đó, tăng trưởng kinh tế của các nhóm nước này sẽ không cao hơn các năm 2016 và 2017 do tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đóng góp lớn vào tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế này. Tăng trưởng của nhóm nước ASEAN-5 sẽ đạt khoảng 5,3% năm 2018 và 5,3% năm 2019, cao hơn các năm trước.

Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng có thể sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

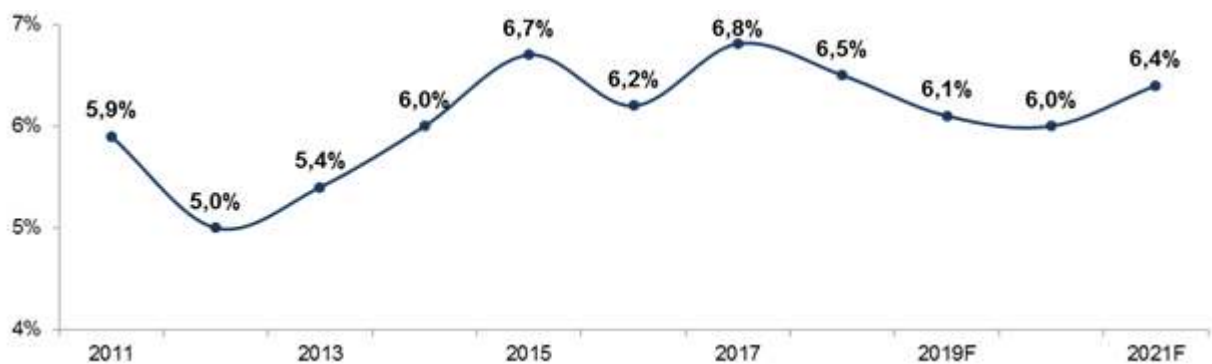
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc

độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2021F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank)

Năm 2016, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố chính trị trong khu vực và trên thế giới như: kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, tăng trưởng thương mại ở mức thấp, Brexit, giá dầu thô và nông sản giảm cùng với những tác động của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng GDP là 6,2% của năm 2016, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu 6,7% được đề ra nhưng Việt Nam vẫn đứng thứ 3 về tốc độ tăng trưởng GDP trong nhóm quốc gia châu Á đang phát triển. Đồng thời, trong năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng trưởng 16,2% so với năm 2015.

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, đạt 6,81% theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đã đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 74%. GDP bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 7,7% so với năm 2016. Tổng vốn FDI giải ngân trong năm 2017 tăng kỷ lục ở mức 10,8% so với năm 2016. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng đạt mốc kỷ lục là 400 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 2,67 tỷ USD.



GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây[3], khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%¹.

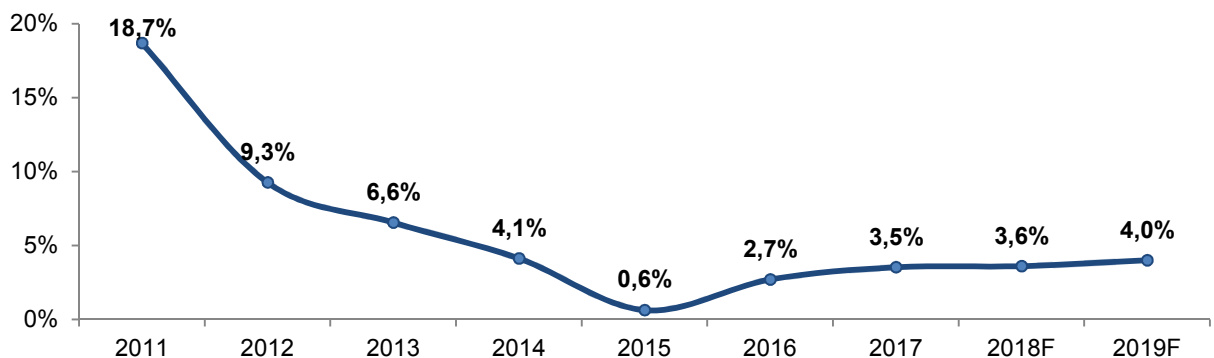
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Nên dù vĩ mô có những diễn biến không thuận lợi thì công ty vẫn hoạt động bình thường, hoặc có thể chịu ảnh hưởng nhẹ khi giá nguyên liệu xử lý nước đầu vào hoặc máy móc đầu tư bị tăng giá theo những biến động của nền kinh tế.

1.3. Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 – 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 – 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

Việc lạm phát trong năm 2016 và 2017 duy trì ổn định ở dưới mức mục tiêu 4% của NHNN hỗ trợ tạo tâm lý tốt cho cả nền kinh tế. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam. Trong năm 2018, lạm phát cơ bản bình quân tăng dưới 1,5% so với cùng kỳ. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm; nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019F



¹ <http://gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=621&ItemID=19037>

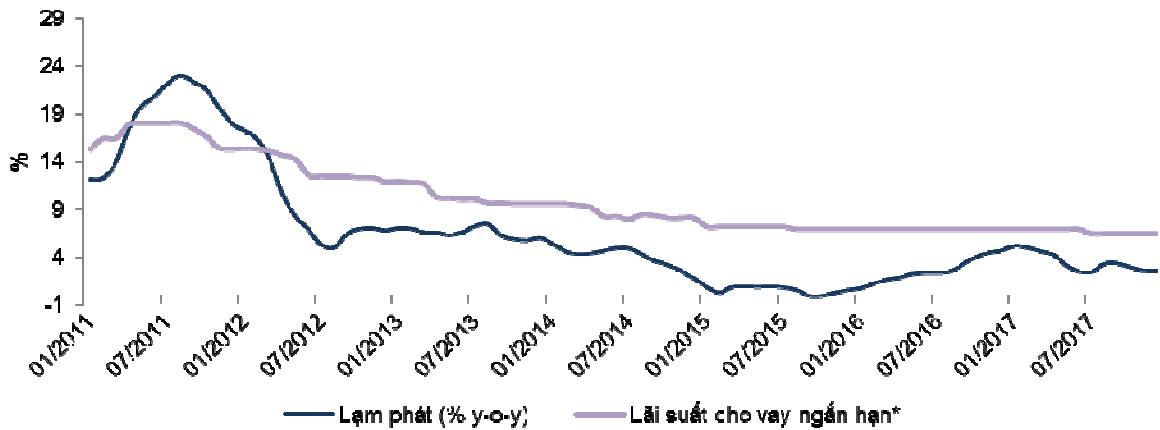
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường cung cấp nước sạch.

1.4. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành. Trong năm 2017, nhờ dòng tiền mạnh mẽ chảy vào từ nước ngoài, đặc biệt là từ các thương vụ thoái vốn đình đám như Vinamilk hay Sabeco giúp cho Ngân hàng Nhà nước có thêm công cụ để cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Tăng trưởng tín dụng trong năm 2017 đạt mức kỷ lục 16,96%, cao nhất trong vòng 5 năm qua một phần nhờ những chính sách hỗ trợ giảm lãi suất của NHNN. Tuy vậy, nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của các ngành công nghiệp chế xuất và xuất khẩu, kinh tế Việt Nam trong năm 2017 đã tăng trưởng nhanh và đạt mục tiêu Chính phủ đề ra từ đầu năm mà không hoàn toàn dựa vào gia tăng tín dụng tức thời. Đúng như dự báo của Chính phủ rằng tăng trưởng tín dụng sẽ ở mức thấp hơn so với năm 2017, con số này của năm 2018 là 13,30%.

Hình 3: Lãi suất cho vay ngắn hạn và tỷ lệ lạm phát 2011 - 2018



Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nước sạch – một ngành cấp thiết trong nhu cầu sinh hoạt và sản xuất nên Công ty được các tổ chức tín dụng ưu đãi về mặt lãi suất cũng như đáp ứng nhu cầu vốn trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy.

2. Rủi ro pháp lý

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên CTCP Nước Thủ Dầu Một chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.



Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh

Trong thời gian vừa qua, Công ty đã tăng vốn điều lệ liên tục và với quy mô lớn, từ năm 2014 đến năm 2018, vốn điều lệ tăng từ 200 tỷ lên 812 tỷ đồng. Toàn bộ khoản vốn thu được đều được sử dụng để mở rộng quy mô hoạt động theo chiều sâu, rộng trong ngành nước như xây dựng thêm nhà máy mới, tăng công suất hoạt động, nắm quyền sở hữu ở các công ty khác trong ngành nước được đánh giá là rất mạnh trong ngành nước...Do đó, tốc độ tăng trưởng Doanh thu, Lợi nhuận trong cả giai đoạn trên đều rất tốt. Cụ thể, Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (EPS), Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BV), tỉ lệ Lợi nhuận chi trả cổ tức đều tăng chứ không hề bị pha loãng giảm như các công ty khác trong ngành có cùng tốc độ tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty luôn định hướng đẩy mạnh quy mô hoạt động hơn nữa trong ngành nước nên việc tăng vốn điều lệ trong tương lai là rất cần thiết. Điều đó có thể tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập của cổ đông trong một thời gian ngắn.

4. Rủi ro đặc thù

4.1. Rủi ro về giá bán

Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh nước sạch, giá bán nước sạch của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương quy định, trong khi đó giá nguyên, nhiên vật liệu...đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng đến giá thành nước tăng. Giá bán chỉ được điều chỉnh thường kéo dài từ giai đoạn lập và trình các cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của công ty. Điều đó dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác sản xuất và định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh của Công ty.

4.2. Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tỷ lệ thất thoát nước luôn là mối quan tâm của Công ty. Đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành cung cấp nước sạch, nước luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Công ty có rủi ro đặc thù là thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước sạch cho khách hàng. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty vào khoảng 0,1%. Do Công ty chỉ quản lý và điều hành hai (02) Nhà máy nước Dĩ An và Nhà máy nước Bàu Bàng và cấp nước trực tiếp qua đồng hồ tổng (cấp si) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương nên Công ty có thể chủ động kiểm tra rò rỉ nếu có.

4.3. Rủi ro liên quan đến chất lượng nước đầu vào

Tình trạng biến đổi khí hậu, mùa hạn kéo dài thất thường, thiên tai liên tục xảy ra làm nước



sông đang dần bị nhiễm mặn. Thêm vào đó, quá trình công nghiệp hóa càng làm gia tăng vấn đề ô nhiễm nguồn nước, làm ảnh hưởng đến nguồn nước thô của các doanh nghiệp sản xuất nước sạch. Để giải quyết nguồn nước đầu vào bị xuống cấp, Công ty luôn lấy mẫu nước kiểm tra, xét nghiệm hàng ngày theo quy định để kịp thời xử lý. Đảm bảo nước sau xử lý đạt “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2009/BYT về chất lượng nước ăn uống”

5. Rủi ro của Đợt phát hành cổ phiếu, của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành

5.1. Rủi ro của Đợt phát hành cổ phiếu

Kế hoạch phát hành cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thành công khi Nhà đầu tư không thực hiện mua cổ phiếu đã đăng ký. Kết quả này phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2018 và nội tại của cổ phiếu TDM.

- ✓ Đối với thị trường chung, chứng khoán Việt Nam đã tăng trưởng rất ấn tượng trong năm 2017 với mức cao nhất được thiết lập của VN-INDEX trong tháng 12 tại 990,1 tăng 47,9% với mức 664,9 điểm cuối năm 2016. Việt Nam là một trong ba thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt nhất thế giới năm 2017. Tiếp đà tăng trưởng, sang 6 tháng đầu năm 2018, VN-INDEX chạm ngưỡng 1204,33 sau nhiều phiên dao động mạnh do các biến động tiêu cực của kinh tế thế giới. Khi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bắt đầu nổ ra, VN-INDEX giảm 2,4% (bình quân các thị trường trong khu vực tăng 4,1%, các thị trường cận biên giảm 1,7%).
- ✓ Đối với cổ phiếu TDM, giá giao dịch của cổ phiếu khá ổn định trong giai đoạn 2017-2018. và lượng giao dịch rất thấp. Nguyên nhân là do các nhà đầu tư luôn nắm giữ dài hạn và có xu hướng mua thêm với kỳ vọng tích cực vào tiềm năng phát triển của Công ty.

Với những diễn biến tích cực trên, ĐHĐCĐ Công ty đã đồng thuận thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá và phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư. Với phần phát hành riêng lẻ, đã có nhà đầu tư cam kết mua hết số lượng cổ phiếu đăng ký bán. Do đó, trong trường hợp kết quả phát hành không đạt được như đề ra, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác và tìm kiếm các nguồn vốn khác để thực hiện các kế hoạch sử dụng vốn như đã được thông qua.

5.2. Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành

Mục đích của đợt phát hành là Đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Nước Dĩ An 200.000m³/ngày đêm (giai đoạn 1 công suất 100.000m³/ngày đêm) và bổ sung vốn lưu động của Công ty. Việc triển khai dự án tiềm ẩn nhiều rủi ro như rủi ro chậm tiến độ, vận hành, khai thác.... Tuy nhiên, việc phát triển ngành nước phục vụ cho cộng đồng luôn được các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương hỗ trợ triển khai. Ngoài ra, với năng lực hoạt động trong ngành và kinh nghiệm lâu năm từ Ban lãnh đạo của Công ty, TDM hoàn toàn có thể kiểm soát được nhưng rủi ro có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) rủi ro pha loãng EPS, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (ii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

(i) *Rủi ro pha loãng EPS, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần*

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{\text{pha loãng}} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt phát hành thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau phát hành)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã phát hành

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Giả sử tỷ lệ thành công của đợt phát hành là 100% thì số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 14.500.000 cổ phiếu. Dự kiến đợt phát hành được hoàn tất vào Quý II năm 2019. Do đó, chỉ tiêu EPS của Công ty trong năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng năm 2019 sẽ bị tác động như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Công thức tính	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	đồng	1	189.996.785.261
Nguồn vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2018	đồng	2	1.109.014.985.213
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019	đồng	3	172.904.000.000
Nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2019 (nếu không phát hành)	đồng	4	1.312.920.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân năm 2018	cổ phiếu	6	81.200.000



Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	cổ phiếu	7	14.500.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2019 (nếu không phát hành)	cổ phiếu	8	81.200.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2019 (sau khi phát hành)	cổ phiếu	9	88.450.000
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2019 (sau khi phát hành)	cổ phiếu	10	95.700.000
EPS năm 2018	đồng/cổ phiếu	(11)=(1)/(6)	2.340
EPS dự kiến năm 2019 (nếu không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(12)=(3)/(8)	2.129
EPS dự kiến năm 2019 (sau khi phát hành)	đồng/cổ phiếu	(13)=(3)/(9)	1.955
Giá trị sổ sách cổ phần tại 31/12/2018	đồng/cổ phiếu	(14)=(2)/(6)	13.658
Giá trị sổ sách cổ phần dự kiến tại 31/12/2019 (không phát hành)	đồng/cổ phiếu	(15)=(4)/(8)	16.169
Giá trị sổ sách cổ phần dự kiến tại 31/12/2019 (sau khi phát hành)	đồng/cổ phiếu	(16)=(3)/(10)	13.719

(ii) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ, Công ty thực hiện phát hành riêng lẻ cổ phiếu và thực hiện đấu giá cổ phiếu cho nhà đầu tư không bao gồm cổ đông hiện hữu. Do đó, các cổ đông hiện hữu không được tham gia mua sẽ tự động bị giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu và quyền biểu quyết tương ứng.

7. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay



đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Đối với CTCP Nước Thủ Dầu Một, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ ... để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

8. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ...) sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông	Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Trần Thế Hưng	Tổng giám đốc
Bà	Tăng Tô Vân	Kế toán trưởng
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà	Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính
----	---------------------	--------------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
Biwase:	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CNĐKDN:	Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Công ty/TDM:	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
CTCP:	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ:	Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
DTT:	Doanh thu thuần
Dowaco:	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
GVHB:	Giá vốn hàng bán
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
LNG:	Lợi nhuận gộp
NH TMCP:	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KH&ĐT:	Sở Kế hoạch & Đầu tư



SXKD:	Sản xuất kinh doanh
Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TP:	Thành phố
TSLĐ:	Tài sản lưu động
TTCK:	Thị trường Chứng khoán
TTLKCK:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
UBCKNN:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH:	Vốn chủ sở hữu
Wase:	Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1 Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
Tên giao dịch quốc tế	: THU DAU MOT WATER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: TDMWATER.CO
Trụ sở chính	: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại	: (84-27) 4384 2255 – 4384 2277
Fax	: (84-27) 4384 1838
Giấy CNĐKKD	: Số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018
Vốn điều lệ đăng ký	: 812.000.003.750 (<i>Tám trăm mười hai tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi</i>) đồng
Vốn thực góp	: 812.000.003.750 (<i>Tám trăm mười hai tỷ ba nghìn bảy trăm năm mươi</i>) đồng
Ngày chính thức được chấp thuận là công ty đại chúng	: 08/03/2016

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy CNĐKKD số 3702226772 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 05/02/2018, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước
- Xây dựng công trình công ích
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp
- Thiết kế cấp thoát nước



- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước
- Xây dựng nhà các loại
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Dịch vụ tư vấn về môi trường
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển:

Giai đoạn 2013-2018:

- 2013 Ngày 07/11/2013 thành lập mới CTCP Nước Thủ Dầu Một hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp.
- 2014 Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An), công suất 45.000m³/ngày đêm theo quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đến tháng 09/2014 nhà máy hoàn thành đưa vào sử dụng sau gần 9 tháng thi công. Tháng 10/2014 Giai đoạn 1: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một công suất 45.000 m³/ngày đêm chính thức đi vào hoạt động.
- 2015 Sau 3 tháng đi vào hoạt động, công suất nhà máy đạt 80%, trước tình hình trên Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục triển khai khởi công giai đoạn 2 : Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An) công suất 45.000m³/ngày đêm, nâng tổng công suất lên 90.000m³/ ngày đêm.
- 2017 Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu



công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương nên đã quyết định đầu tư dự án cấp nước Khu vực Bàu Bàng công suất 30.000m³/ ngày đêm. Giai đoạn 1 công suất 15.000m³/ngày đêm, bao gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý. Nhà máy Bàu Bàng giai đoạn 1 chính thức được đưa vào vận hành ngày 17/02/2017

Giai đoạn công ty đại chúng:

- 08/03/2016 CTCP Nước Thủ Dầu Một được UBCKNN chấp thuận là công ty đại chúng
- 21/03/2016 CTCP Nước Thủ Dầu Một được TTLKCK Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu với tổng số lượng chứng khoán là 30.000.000 cổ phiếu.
- 01/04/2016 Công ty đã chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM của SGDCK Hà Nội với mã chứng khoán TDM, đánh dấu một bước phát triển mới của Công ty.
- 07/2017 Công ty phát hành thành công thêm 30.259.482 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ thực góp lên hơn 650 tỷ đồng
- 12/2017 Công ty phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động và phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 650.404.963.750 đồng lên thành 812.000.003.750 đồng hoàn thành và báo cáo kết quả phát hành ngày 15/01/2018.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Tại thời điểm thành lập (07/11/2013), vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng. Đến tháng 12/2018, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 812.000.003.750 (Tám trăm mười hai tỷ lẻ ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Quá trình góp vốn và tăng vốn của Công ty như sau:

❖ Tháng 11/2013: Góp vốn lần đầu

- Số lượng cổ phần: 20.000.000 cổ phần
- Giá trị theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng

❖ Tháng 09/2014 – 04/2015: Tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 240.000.000.000 đồng

- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 23/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15/02/2014



- Nghị quyết của HĐQT số 25/HĐQT-NQ ngày 17/02/2014
- Nghị quyết của HĐQT số 83/HĐQT-NQ ngày 23/12/2014
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 40.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 49 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 49 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn đầu tư dự án “XD và cung cấp thiết bị trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý nước Nam Thủ Dầu Một- công suất 45.000m³/ngày đêm”.
- ❖ **Tháng 12/2015: Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết của ĐHCĐ bất thường số 04/ĐHCĐ-NQ ngày 15/05/2015
 - Nghị quyết của HĐQT số 05/HĐQT-NQ ngày 16/05/2015
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 6.000.000 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 60.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 60.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 49 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 111 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một



- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn nhằm tham gia đầu tư dài hạn tại CTCP Cấp nước Đồng Nai với tổng giá trị là 60,3 tỷ đồng.
 - ❖ **Tháng 09/2016: Tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng lên 347.810.143.750 đồng**
 - Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02A/ĐHCĐ-NQ ngày 01/03/2016
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
 - Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu (*)
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số cổ phần phát hành: 4.781.014 cổ phần
 - Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 47.810.140.000 đồng
 - Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 47.810.143.750 đồng
 - Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 111 cổ đông
 - Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 111 cổ đông
- (*) Đợt tăng vốn này dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02A/ĐHCĐ-NQ để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho dự án Nhà máy nước Bàu Bàng. Tuy nhiên, đến ngày 08/03/2016, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 1046/UBCK-GSĐC ngày 08/03/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán. Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một nhận thấy việc phát hành trên là chưa đủ điều kiện do không đăng ký với UBCKNN. Do vậy, theo Nghị quyết của HĐQT số 25/NQ-HĐQT ngày 07/12/2016, HĐQT đã phê duyệt việc hoàn trả tiền vốn góp cho các cổ đông tương ứng với phần tăng thêm 47.810.143.750 đồng ((bao gồm cả phí chuyên tiền phát sinh do cổ đông thực hiện chuyển nhậm). Ngày 07/12/2016, Công ty đã phát hành thông báo số 194/TB-CPNTDM để thực hiện việc hoàn trả vốn góp trên cho các cổ đông. Tuy nhiên, đến hết thời gian hoàn trả theo thông báo trên, không có cổ đông nào yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn đã góp. Công ty ghi nhận vốn góp tương ứng tăng thêm vào vốn điều lệ của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng thêm vốn điều lệ theo đúng số tiền nhận được. Vì những lý do trên nên vốn điều lệ của công ty phát sinh lẻ 3.750 (Ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.
- Ngày 11/01/2017, UBCKNN ra Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK đối với Công ty trong việc phát hành chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với UBCKNN khi Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 347,81 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/12/2015 đến 30/09/2016. Hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền mặt. Công ty đã hoàn thành triển khai Quyết định trên và đã thanh toán tiền vi phạm.
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một



- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để bổ sung vốn đầu tư dài hạn tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương với tổng giá trị đầu tư là 567,75 tỷ đồng.
- ❖ **Tháng 07/2017: Tăng vốn điều lệ từ 347.810.143.750 đồng lên 650.404.963.750 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2017
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:87
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 30.259.482 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 302.594.820.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 302.594.820.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 119 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 119 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Số tiền thu được dùng để trả nợ vay cổ đông và bổ sung vốn đầu tư dự án “Hệ thống cấp nước NMN Bàu Bàng - Huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương”
- ❖ **Tháng 01/2018: Tăng vốn điều lệ từ 650.404.963.750 đồng lên 812.000.003.750 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/11/2017
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Phương thức phát hành:
 - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2017
 - Phát hành riêng lẻ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành:
 - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động: 15.000 đồng/cổ phần
 - Phát hành riêng lẻ: 20.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phát hành: 16.159.504 cổ phần



- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 161.595.040.000 đồng
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 307.392.560.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành: 312 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành: 321 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và ĐHĐCĐ của CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Mục đích sử dụng vốn thực tế: Toàn bộ tiền thu được dùng để trả nợ vay cổ đông và các tổ chức, Trả nợ vay ngân hàng, Bổ sung vốn lưu động.

Ý kiến của Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC tại Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 650,4 tỷ VND lên 812 tỷ VND, lũy kế đến ngày 30 tháng 09 năm 2018 số 91118.004/BCTV.KT1 ngày 19/11/2018:

“Chúng tôi đã kiểm tra chi tiết và đánh giá sự phù hợp của các chứng từ kế toán có liên quan như hợp đồng, hóa đơn, phiếu chi, ủy nhiệm chi, ... Theo đó, các nội dung sử dụng vốn trên các chứng từ là phù hợp với các nội dung về tiến độ và mục đích sử dụng vốn được trình bày trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được thu thập ở Bước 1 và mục đích sử dụng vốn đã được đối chiếu tại Bước 2.”

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, CTCP Nước Thủ Dầu Một được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2014.
- Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua ngày 24/04/2017 có sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng.
- Trong quá trình hoạt động và phát triển, bộ máy của Công ty đã được xây dựng, điều chỉnh và kiện toàn để phù hợp với chiến lược phát triển, yêu cầu thực tế và đặc điểm hoạt động của Công ty.

Sơ đồ: Cơ cấu bộ máy quản lý CTCP Nước Thủ Dầu Một

(Nguồn: TDM)

❖ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.



❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một có 05 thành viên.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một bao gồm 05 thành viên:

Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
--------------------	---------------

Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT
------------------------	-----------------

Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT
-----------------	-----------------

Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên HĐQT
--------------------	-----------------

Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT - độc lập
---------------------	---------------------------

❖ **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và BCTC của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
--------------------------	----------------------

Bà Nguyễn Thị Mộng Thường	Thành viên Ban Kiểm soát
---------------------------	--------------------------

Bà Nguyễn Thị Ái Nhân	Thành viên
-----------------------	------------

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Công ty có 01 Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một bao gồm:

Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Bà Tăng Tô Vân	Kế toán trưởng
----------------	----------------



❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

• **Phòng Tài chính – Kinh doanh**

- Lập các báo cáo tài chính và quyết toán tài chính theo quy định. Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty và các bộ phận trực thuộc theo tháng, quý, 6 tháng, năm để giúp Ban Tổng Giám đốc nắm chắc nguồn vốn, lãi, lỗ và các tình hình tài chính của Công ty.
- Lập kế hoạch tài chính năm, cân đối nguồn vốn.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm quản lý vốn, thu hồi vốn.
- Tham gia tính toán hiệu quả các chương trình đầu tư của công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát, hướng dẫn và đôn đốc về mặt nghiệp vụ tài chính đối với các bộ phận trực thuộc.
- Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty.
- Tổ chức hạch toán, kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng luật kế toán thống kê của Nhà nước.
- Tổ chức thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt nhất.
- Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Lập kế hoạch, trình và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đề xuất phương án kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Tổ chức thực hiện phương án và tìm kiếm thị trường cho từng loại hình kinh doanh.
- Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng theo từng lĩnh vực kinh doanh.
- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện tìm các dự án, phối hợp cùng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tính toán và tham gia dự thầu các dự án phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh và có quyền có ý kiến trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

• **Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.



- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tính toán các chương trình đầu tư, kinh doanh của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thị trường liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nghiên cứu thị trường, đề xuất để mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
- Lập kế hoạch – lên báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ. Giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Lập và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao nhận thầu thi công, các hợp đồng liên doanh, liên kết, các hợp đồng giao việc trong nội bộ Công ty.
- Tổ chức thực hiện hoặc thuê các đơn vị có chức năng thiết lập: dự toán, hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án và các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành về xây dựng cơ bản; lập trình duyệt các dự án đầu tư, quyết định giao đất, giấy phép xây dựng, giấy phép khai thác nước mặt.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật có hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
- Tổ chức thực hiện hoặc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc chọn đơn vị tư vấn về quản lý xây dựng, khảo sát thiết kế, giao nhận và tổ chức thi công các công trình đầu tư của Công ty.
- Khảo sát thiết kế, lập dự toán cho các công trình, hạng mục công trình xây lắp, điện nước, trang thiết bị thuộc các dự án đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, giám sát kỹ thuật thi công, quyết toán, hoàn công của các hạng mục, công trình đầu tư của Công ty.
- Quản lý chất lượng công trình, lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục công trình; đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố trong quá trình thi công.
- Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
- Chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực thi công, lĩnh vực trang thiết bị, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Quản lý, lưu trữ và phổ biến các hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ máy móc thiết bị, quy trình vận hành và các hồ sơ khác có liên quan.
- Tiếp nhận chuyển giao và quản lý các quy trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.



- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và được phát biểu ý kiến về mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Nhân sự – Quản Trị**
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy của Công ty, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.
 - Quản lý các tài sản khác ngoài Nhà máy Nước.
 - Tham mưu soạn thảo nội quy/ thỏa ước của Công ty, đồng thời theo dõi, rà soát việc thực hiện nội quy/ các thỏa ước được duyệt, thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Công ty và các bộ phận trực thuộc; kết hợp công tác đối ngoại và phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để thực hiện các công tác này.
 - Thực hiện và xây dựng các kế hoạch hội họp, xây dựng lịch công tác của Công ty theo từng tháng, chuẩn bị địa điểm, tài liệu về các cơ sở vật chất khác cho các cuộc hội họp của Công ty. Trực tiếp ghi biên bản, hoàn chỉnh và trình ký đồng thời triển khai nội dung đến các bộ phận lưu giữ.
 - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, an ninh và các công tác khác, được phát biểu ý kiến trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân viên toàn Công ty, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quy hoạch cán bộ, xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; tiếp nhận hồ sơ xin việc, nghiên cứu tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc đề bạt, phân công cán bộ quản lý của Công ty và các bộ phận trực thuộc theo phân cấp.
 - Quản lý lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán xây dựng Tổng Quỹ lương và phân bổ quỹ lương, tiền thưởng Công ty và các bộ phận trực thuộc.

3. Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông

Bảng 5: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 02/01/2019

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VDL
1.	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Số 02, Đường ĐX 68, Tổ 49, Khu 6, P. Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Viet Nam	3700773106	13.072.727	16,09



2.	Công ty TNHH Thương mại N.T.P	278 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM	0301658057	8.407.000	10,35
3.	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Lô C2, khu CN Đồng An II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	3700829126	7.000.000	8,62
4.	Nguyễn Hiền Triết	50/2A Tổ 2, Chánh Lộc, Chánh Mỹ, Thủ Dầu Một, Bình Dương	280648717	4.097.500	5,04
5.	Phạm Văn Chiến	73/3 KP.1, Tân Định, Bến Cát, Bình Dương	280602756	5.360.880	6,60
6.	Võ Văn Bình	102/16H/7T8 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP.HCM	023794681	4.500.000	5,55
Tổng cộng				42.446.107	52,26

(Nguồn: DSCD chốt tại ngày 02/01/2019 do VSD cung cấp)

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 02/01/2019

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	81.193.000	812.000.000.000	100	349
1	Cổ đông tổ chức	32.839.227	314.927.270.000	38,80	5
2	Cổ đông cá nhân	48.353.773	497.072.730.000	61,20	344
II	Cổ đông nước ngoài	7.000	70.000.000	0,008	3
1	Cổ đông tổ chức	2.100	21.000.000	0,002	1
2	Cổ đông cá nhân	4.900	49.000.000	0,006	2
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		81.200.000	812.000.000.000	100	352

(Nguồn: DSCĐ chốt tại ngày 02/01/2019 do VSD cung cấp)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

• **Công ty mẹ:** Không có.

• **Công ty con:** Không có.

• **Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)

Địa chỉ: Số 11, Ngô Văn Tri, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4383 8333 – 4389 7766

Giấy CNĐKKD: Số 3700145694 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 30/09/2016

Hoạt động kinh doanh chính: - Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Sản xuất nước khoáng;
- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất;

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng

Vốn góp của TDM tại BWE (31/12/2018): 695.758.875.002 đồng

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 38,5%

- Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường

Địa chỉ: 10 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3847 5164

Giấy CNĐKKD: Số 0300394676 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2006, thay đổi lần thứ 07 ngày 23/05/2017



Hoạt động kinh doanh chính: - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Sản xuất máy chuyên dụng

Vốn điều lệ: 8.000.000.000 đồng

Vốn góp của TDM tại WSE (31/12/2018): 5.480.000.000 đồng, tương đương 25% vốn điều lệ

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty

❖ Cung cấp nước sạch cho khu vực Nam Thủ Dầu Một

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào sản xuất nước sạch cung cấp cho Khu vực Nam Thủ Dầu Một thông qua kênh phân phối bán sỉ cho Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương qua đồng hồ tổng. Hiện nay công ty đang có 02 nhà máy nước bao gồm nhà máy nước Dĩ An công suất 90.000m³/ngày đêm và Nhà máy nước Bàu Bàng công suất 30.000m³/ngày đêm.

a. Nhà máy Nước Dĩ An (Dự án cấp nước mở rộng Nam Thủ Dầu Một) với tổng công suất 90.000m³/ngày đêm.

- Nhà máy nước Dĩ An được khai thác từ nguồn nước sông Đồng Nai dẫn về nhà máy để xử lý theo Giấy phép khai thác nước số 08/GP-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương.
- Được khởi công vào ngày 17/02/2014, hoàn thành đưa vào vận hành tháng 9/2014 với công suất 45.000 m³/ngày đêm (giai đoạn 1).
- Nam Thủ Dầu Một (NMN Dĩ An) nằm giữa Thành phố Thủ Dầu Một và Thành phố Hồ Chí Minh (chùm đô thị Nam Thủ Dầu Một), cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 25 km về phía Bắc. Nhà máy hoạt động dưới hình thức thuê đơn vị vận hành - đội ngũ công nhân vận hành chủ yếu là vệ sinh công nghiệp và giám sát hệ thống SCADA. Đến ngày 09/3/2015 tiếp tục khởi công xây dựng Giai đoạn 2 với công suất 45.000 m³/ngày đêm

Nhà máy nước Dĩ An ra đời giải quyết tình trạng thiếu nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ của nhân dân khu vực dự án và sản xuất của các khu công nghiệp.

- Hiện nay công suất tiêu thụ tại Nhà Máy Dĩ An đạt 120.000m³/ngđ. Kế hoạch trong năm 2019 Công ty tiếp tục xây dựng nâng công suất Nhà máy thêm 100.000m³/ngđ. Tổng nhu cầu phát triển dự án Nhà máy nước Dĩ An trong tương lai dự kiến đạt khoảng 400.000m³/ngđ.
- Tổng giá trị đầu tư Nhà máy nước Dĩ An giai đoạn 1 và giai đoạn 2 là: 538.619.000.000 đồng

Mục tiêu của Dự án

- Cải thiện điều kiện tiện nghi sinh hoạt hàng ngày của người dân.
- Thu hút kêu gọi đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng cho khu vực Dự án nói riêng và của tỉnh Bình Dương nói chung.
- Phát triển mạng lưới cấp nước ra các vùng ngoại thành tỉnh Bình Dương.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống, đáp ứng đầy đủ nhu cầu dùng nước của người dân trong khu vực dự án.
- **Công nghệ áp dụng:** Nhà máy nước Dĩ An áp dụng công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA nên số lượng công nhân trực tiếp vận hành tại Nhà máy rất ít.

Thị phần cung cấp

- Do đặc thù cung cấp sỉ cho Công ty CP Nước – Môi trường BD (BIWASE) qua đồng hồ tổng nên Công ty không phát triển mạng lưới phân phối đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và các hộ dân.



b. Nhà máy Nước Bàu Bàng (Dự án HTCN Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương) với tổng công suất 60.000m³/ ngày đêm

- Nhà máy nước Bàu Bàng được lấy nguồn nước từ kênh chính hồ Phước Hòa dẫn về nhà máy nước để xử lý thành nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và đô thị khu vực Bàu Bàng tỉnh Bình Dương theo chủ trương chấp thuận số 212/TLĐTPH-QLN ngày 21/12/2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.
- Nhà máy Nước Bàu Bàng được xây dựng nhằm cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp đang hình thành với diện tích khoảng 3.800 ha và đô thị phía Bắc tỉnh Bình Dương với khoảng 23.000 hộ dân.
- **Quy mô của Dự án**
Đường ống nước thô cho phù hợp với công suất 30.000m³/ngày. Tuyến ống được xây dựng với chiều dài từ trạm bơm cấp I về đến nhà máy xử lý nước sạch với đường kính ống D600mm dài 8400m. Xây dựng hồ chứa nước dự trữ có dung tích 360.000 m³.
Bể chứa nước sạch dung tích 7.000 m³

- Trạm bơm nước sạch công suất 30.000 m³/ngày, nhưng chỉ lắp đặt thiết bị phục vụ công suất 15.000 m³/ngày ở giai đoạn này.
- Nhà máy xử lý nước có công suất giai đoạn này Q = 15.000 m³/ngày. Một số hạng mục công trình khác sẽ xây dựng dự phòng để nâng công suất lên 30.000m³/ngày.
- Tháng 2/2017 đã đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với công suất 15.000 m³/ngày đêm, phục vụ chủ yếu các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Bàu Bàng và các hộ dân vùng lân cận.
- Đến nay, sau khi hoàn thành đưa các hạng mục vào khai thác sử dụng tổng mức đầu tư của Dự án là: 312.857.338.316 đồng.

Công nghệ áp dụng:

- Nhà máy Nước Bàu Bàng áp dụng công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA nên số lượng công nhân trực tiếp vận hành tại nhà máy rất ít.

Thị phần cung cấp

- Cũng như Nhà máy Nước Dĩ An, NMN Bàu Bàng cung cấp sỉ qua cho Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE) qua đồng hồ nên Công ty không phát triển mạng lưới phân phối đến các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và các hộ dân.
- Nhà máy nước Bàu Bàng ngoài sản xuất kinh doanh phân phối nước sạch qua đồng hồ tổng cho BIWASE, còn phân phối nước thô chưa qua xử lý cho BIWASE để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất giấy, dệt sợi.... trong khu công nghiệp.



c. Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2016 – 2018

Bảng 7: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước sạch của Công ty

Đơn vị: m³/năm

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% +/-	Năm 2018	% +/-
1	Sản lượng nước sản xuất	29.875.882	38.359.738	28,40	50.236.639	30,9
2	Sản lượng nước sạch tiêu thụ	28.732.067	37.508.148	30,54	49.281.705	31,4

(Nguồn: TDM)



Các chỉ tiêu SXKD thực hiện năm 2017 đều vượt kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 24/04/2017. Sản lượng nước thương phẩm bình quân: 105.095 m³/ngày tăng trưởng 28,4% so với năm 2016.

Năm 2018, công ty tiếp tục kiện toàn lại bộ phận sản xuất, khai thác và sử dụng hết năng lực sản xuất hiện có nhằm tăng sản lượng sản xuất. Tiếp đó, Công ty sẽ hoàn thiện quy trình công nghệ để sản xuất nước luôn đạt tiêu chuẩn nước sạch theo quy định hiện hành (QCVN01:2009/BYT) và phát triển khách hàng mở rộng mạng lưới nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nước của Công ty.

Cơ cấu doanh thu

Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính trong giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
		Doanh thu	Doanh thu	(%) +/-	Doanh thu	(%) +/-
1	Cung cấp nước sạch	150.556	196.949	30,8	278.590	41,5
2	Chuyển nhượng bất động sản				7.530	-
3	Nhuận bán vật tư	-	53	-	125	-
Tổng cộng		150.556	197.002	30,8	286.245	45,3

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn toàn tập trung vào mảng sản xuất nước sạch. Cụ thể, Nhà máy nước Dĩ An khai thác nước bề mặt tại sông Đồng Nai và thực hiện qua các công đoạn lắng rửa, khử trùng và và cung cấp cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Nhà máy nước Bàu Bàng khai thác nước mặt tại kênh chính hồ Phước Hòa về nhà máy nước để xử lý thành nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp và đô thị khu vực Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cho giai đoạn từ năm 2015 đến sau năm 2026. Năm 2017, Công ty bắt đầu vận hành thử nhà máy nước Bàu Bàng nên sản lượng nước sản xuất tăng thêm 28,4% . Do đó, sản lượng nước sạch tiêu thụ trong năm tăng, kéo doanh thu năm 2017 tăng mạnh (30,8%) so với năm 2016. Trong năm 2018, Doanh thu tiếp tục vượt 24% kế hoạch của cả năm (kế hoạch năm 2018 là 230 tỷ đồng). Nếu so với cùng kỳ năm trước thì Doanh thu thực hiện trong năm 2018 vượt 45,3%. Kết quả này đạt được phần lớn đến từ việc sản lượng nước sạch tiêu thụ tăng và giá bán nước sạch tăng 5% trong năm 2018.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản: Đây là khoản doanh thu từ việc chuyển

nhượng 1 phần diện tích đất từ trạm bơm nước thô của Nhà máy nước Bàu Bàng. Ban đầu để chuẩn bị quỹ đất cho dự án Trạm bơm nước thô thuộc dự án NMN Bàu Bàng, Công ty có mua lại từ các hộ dân trong khu vực lân cận. Tuy nhiên qua quá trình triển khai, Công ty chỉ mua được phần diện tích 30.471,7 m², phần diện tích này lại không liền ranh với phần diện tích đất hiện hữu của Trạm bơm nước thô thuộc Dự án NMN Bàu Bàng. Qua đó, Hội đồng quản trị Công ty ra nghị quyết chuyển nhượng lại phần đất không liền ranh nêu trên để tập trung quản lý quỹ đất phục vụ cho dự án.

Bảng 9: Lợi nhuận gộp Công ty năm 2016 – 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017			Năm 2018	
		Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	(%) +/-	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)
1	Cung cấp nước sạch	100.896	67,0	134.679	68,4	33,5	180.139	62,93
2	Nhượng bán vật tư	-	-	-	-	-	3	0,001
3	Chuyển nhượng BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	4.470	1,56
Tổng cộng		100.896	67,0	134.679	68,4	33,5	184.613	64,5

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Biên lợi nhuận gộp của TDM luôn duy trì ở mức cao. Đến năm 2018, do Công ty bắt đầu trích khấu hao Hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng – giai đoạn 1 nên khấu hao trong kỳ tăng dẫn đến Giá vốn hàng bán năm 2018 tăng nhanh hơn so với Doanh thu (Giá vốn tăng 63,1% so với Doanh thu chỉ tăng 45,3%). Do vậy, tỉ lệ lợi nhuận gộp năm 2018 có giảm nhẹ so với các năm trước.

Bảng 10: Cơ cấu doanh thu Công ty năm 2016 – 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		(%) +/-	Năm 2018	
		Doanh thu	%/TDT	Doanh thu	%/TDT		Doanh thu	%/TDT



1	Doanh thu hoạt động SXKD	150.556	92,2	197.002	89,5	30,8	286.245	79,2
2	Doanh thu tài chính	12.815	7,8	22.430	10,2	75,0	74.072	20,5
3	Thu nhập khác	-	-	587	0,3	100,0	859	0,3
Tổng doanh thu		163.371	100	220.019	100	34,7	361.176	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Không chỉ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty có tốc độ tăng trưởng ổn định, doanh thu tài chính cũng tăng ấn tượng, thậm chí trong năm 2017 mảng doanh thu này chiếm 20,5% trong cơ cấu Tổng doanh thu, trong khi năm 2016 chỉ chiếm 7,8%. Trong cơ cấu Doanh thu tài chính, ngoài lãi từ tiền gửi ngân hàng, TDM còn có thu nhập lớn từ cổ tức được chia từ các khoản đầu tư tài chính tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường (WASE) và CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (BIWASE). Việc tập trung tối đa nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính (bao gồm trực tiếp sản xuất và đầu tư vào các công ty cùng ngành) đã mang lại cho TDM mức lợi nhuận rất ấn tượng với tốc độ tăng trưởng bền vững. Tổng Doanh thu 2018 của TDM đạt 361,2 tỷ với tốc độ tăng trưởng so với năm trước là 64,16%.

5.2 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nước khai thác từ sông ngòi tự nhiên cụ thể:

- Nhà Máy nước Dĩ An: lấy nước từ Sông Đồng Nai
- Nhà máy nước Bàu bàng: lấy nước từ kênh Phước Hòa

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và động lực khác như điện, phèn, vôi, clor, flour và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân cụ thể như (Nhà Máy hóa chất Biên Hòa thuộc Công ty CP Hóa chất cơ bản Miền Nam cung cấp hóa chất P.A.C và CLOR lỏng, Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tám Thao cung cấp vôi). Đây là những nhà cung cấp lâu năm của Công ty rất uy tín, ổn định và cũng là đối tác cung cấp hóa chất cho nhiều Công ty cấp nước trong ngành.

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác tự nhiên từ sông Đồng Nai (Nhà máy nước Dĩ An) và kênh chính hồ Phước Hòa (Nhà máy nước Bàu Bàng) nên nhìn chung nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: nồng độ các chất có trong nước, cũng như tình hình khí hậu hàng năm (khô hạn, bão...) sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng nước của sông, đặc biệt là gần đây các vấn đề thay đổi thời tiết càng làm tăng thêm vấn đề về sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu bởi chính yếu tố này sẽ giúp tiết giảm chi phí sản xuất và nâng cao doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty.

TDM là đơn vị trực tiếp sản xuất, nguồn nguyên liệu là thành tố rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và bản thân Công ty cũng nhận thức được điều này. Chính vì vậy, TDM rất quan tâm đến việc phát triển, tìm kiếm và sử dụng nguồn nguyên liệu một cách hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

5.3 Chi phí sản xuất

Bảng 11: Chi phí SXKD Công ty năm 2016 – 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		(%) +/-	Năm 2018	
		Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT		Giá trị	%/TDT
1	Giá vốn hàng bán	49.660	30,4	62.323	28,3	25,5	101.631	31,7
2	Chi phí tài chính	51.566	31,6	75.795	34,4	47,0	55.644	17,3
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.006	2,5	5.968	2,7	49,0	6.645	2,1
4	Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi phí khác	366	0,2	40	-	-	82	0,00
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	7.176	2,2
Tổng cộng		105.598	64,6	144.126	65,5	36,5	164.002	53,4

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Xét trong cơ cấu tổng chi phí cho giai đoạn 2016 - 2018, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính là 02 khoản mục chi phí chủ đạo của TDM. Việc mở rộng hoạt động kinh doanh của TDM đã đẩy chi phí giá vốn hàng bán của năm 2018 lên cao, vượt 18,7% cả năm 2017. Trong giai đoạn 2017 - đầu năm 2018, Công ty huy động thêm vốn của cổ đông để cơ cấu lại các khoản vay, dẫn đến chi phí lãi vay giảm mạnh. Tuy nhiên, trong cơ cấu chi phí tài chính có phát sinh khoản chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cổ phiếu Cty Cấp nước Đồng Nai. Năm 2018, Công ty bắt đầu phải chịu thuế TNDN với tỉ lệ là 5%. Theo chính sách thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa, TDM được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu tiên (mức thuế là 10%) và được giảm 50% trong 05 năm tiếp theo (kéo dài đến năm 2023).

5.4 Trình độ công nghệ

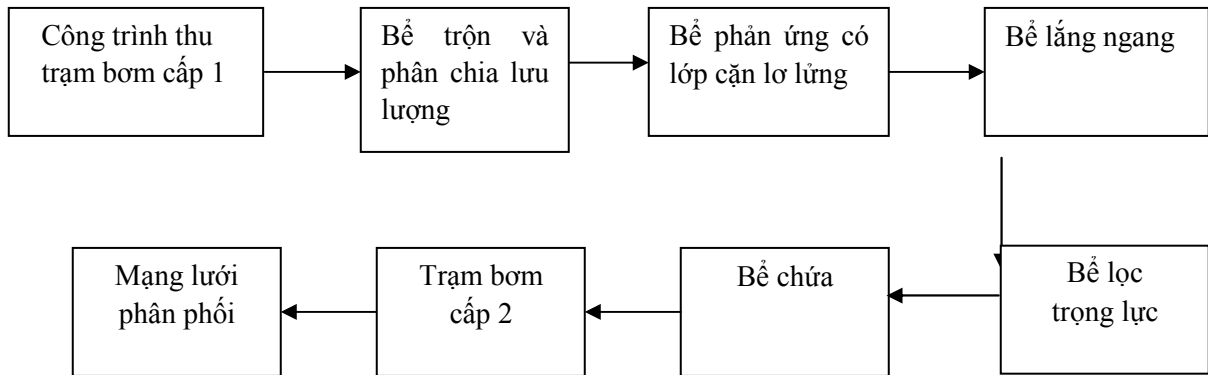
Thêm thông tin về công nghệ bẻ lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông

qua hệ thống SCADA

Công nghệ xử lý được lựa chọn dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với tính chất và chất lượng nguồn nước thô
- Đảm bảo yêu cầu chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất lượng nước cấp cho sinh hoạt theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, ban hành theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN01:2009/BYT
- Sử dụng Công nghệ bể lắng ngang quản lý vận hành đơn giản, dễ cải tạo để nâng công suất hoạt động của Nhà máy, chi phí vận hành bảo dưỡng thấp do lắp ít thiết bị trong bể.

Sơ đồ dây chuyền công nghệ Nhà Máy nước Dĩ An và Nhà máy nước Bàu Bàng



Thuyết minh sơ đồ dây chuyền công nghệ:

Tại công trình thu nước thô từ sông Đồng Nai (Nhà máy nước Dĩ An) và kênh hồ Phước Hòa (Nhà máy nước Bàu Bàng) được bơm cấp 1 đưa vào bể trộn và phân chia lưu lượng (sau khi Clo hóa sơ bộ và châm P.A.C trên đường ống đẩy của bơm) tại đây nước tiếp xúc với hóa chất và xảy ra quá trình keo tụ. Sau đó, nước chảy vào bể phản ứng có lớp cặn lơ lửng và xảy ra quá trình tạo bông cặn ở đây. Bông cặn được lắng tại bể lắng ngang, nước sau bể lắng ngang được đưa vào bể lọc trọng lực và toàn bộ cặn còn lại sau bể lắng được giữ lại tại đây. Nước sau bể lọc là nước sạch đưa vào bể chứa được châm Clo để khử trùng. Từ bể chứa, nước sạch được bơm cấp II bơm vào mạng lưới phân phối, cung cấp đến các hộ tiêu thụ. Điều hòa lượng nước tiêu thụ giữa các giờ trong ngày bằng hệ thống biến tần.

5.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty có đội ngũ thí nghiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng nước xử lý để kịp thời điều chỉnh lượng hóa chất xử lý hợp lý, định kỳ gửi mẫu nước đi kiểm tra chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật – Đo lường – Chất lượng 3 (QUATEST 3).

Định kỳ hàng tuần, hàng tháng đội ngũ thí nghiệm của Công ty tiến hành lấy mẫu nước kiểm tra chất lượng, bên cạnh đó gửi mẫu nước kiểm tra tại Trung tâm Kỹ thuật – Đo lường - Chất lượng 3 (Trung tâm 3) để kiểm tra chất lượng nước định kỳ và luôn đạt theo tiêu chuẩn nước sạch Việt Nam (TCVN).

5.6 Hoạt động Marketing

CTCP Nước Thủ Dầu Một là đơn vị kinh doanh bán sỉ nước qua đồng hồ cho khách hàng là Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do đó hoạt động marketing của Công ty hiện không có. Tuy nhiên, Công ty cũng đang xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cũng như các hoạt động marketing thông qua các hoạt động tài trợ, tham gia các hoạt động của ngành.

5.7 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: <http://tdmwater.vn>
- Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu thương mại tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty:

- Công ty hiện chưa có hoạt động quảng bá thương hiệu. Tuy nhiên, trong thời gian tới Công ty sẽ chú trọng đến các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu tốt hơn

Đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền:

- Công ty hiện không có phát minh, sáng chế hay bản quyền.

5.8 *Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết*

Bảng 12: Một số hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tác

ST T	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
1	Hợp đồng số 01/2016/HĐXDCB về việc thi công xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng	46,936	01/2016	Từ 01/2016 đến 07/2016	Công ty TNHH Đại Phú Thịnh
2	Hợp đồng số 03/HĐKT/2016 về việc thi công tuyến ống nước D1800	7,314	03/2016	Từ 03/2016 đến 05/2016	Công ty TNHH XD Công Trình Hùng Vương
3	Hợp đồng số 02/2016/HĐXD về việc thi công trạm bơm nước sạch và nhà máy phát điện	14,163	02/2016	Từ 02/2016 đến 08/2016	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
4	Hợp đồng số 07/2016/HĐKT về việc cung cấp hệ thống điện nhà máy xử lý nước Bàu Bàng	8,947	07/2016	Từ 07/2016 đến 10/2016	Xí nghiệp Cấp nước Khu Liên Hợp



ST T	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
5	Hợp đồng số 10/2016/HĐKT về việc Cung cấp hệ thống điện Trạm bơm nước thô NMN Bàu bàng	4,207	10/2016	Từ 10/2016 đến 1/2017	Xí nghiệp Cấp nước Khu Liên Hợp
6	Hợp đồng số 02/HĐKT/2016 về việc Di dời đường dây 110kv - Trạm bơm nước thô NMN Bàu Bàng	6,261	02/2016	Từ 02/2016 đến 05/2016	CTCP Xây lắp điện miền Nam
7	Hợp đồng số 06/2016/HĐKT về việc xây lắp đường dây trung hạn thế và TBA III-630KVA	1,430	06/2016	Từ 06/2016 đến 09/2016	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Viễn Đông
8	Hợp đồng số 05/2016/HĐTV-TK về việc tư vấn thiết kế đường dây trung hạ thế và TBA III-630KVA	0,039	04/2016	Từ 04/2016 đến 05/2016	Công ty TNHH Tư vấn& Xây lắp Hệ thống Điện.
9	Hợp đồng số 09/HĐKT/2016 về việc xây dựng trạm bơm nước thô nhà máy nước Bàu Bàng	26,999	09/2016	Từ 09/2016 đến 11/2016	CTCP Xây dựng số 5
10	Hợp đồng số 32-2016/HĐXLSB.E về việc Xây lắp đường dây 22Kv và trạm biến áp III-800KVA trạm bơm nước thô NMN Bàu Bàng	2,824	02/2016	Từ 02/2016 đến 05/2016	Công ty Xây lắp Điện Sông Bé Electric
11	Hợp đồng số 58/HĐGS-ĐLBB về việc giám sát thi công đường dây trung thế TBAIII-630KVA	0,042	8/2016	Từ 08/2016 đến 09/2016	Điện lực Bàu Bàng
12	Hợp đồng số 32-16/HĐKT/PDV/THUDA về việc cung cấp thiết bị (hệ thống hoá chất) NMN Bàu Bàng	0,829	02/2016	Từ 02/2016 đến 04/2016	Công ty TNHH Một thành viên Prominent Dosiertechnik
13	Hợp đồng số 01A/2016/HĐKT về việc xây dựng Nhà điều hành tạm và	0,933	01/2016	Từ 01/2016 đến 6/2016	Xí nghiệp Xử lý Chất Thải



ST T	Hợp đồng	Trị giá (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Đối tác
	hàng rào Nhà máy xử lý - NMN Bàu Bàng				
14	Hồ dự trữ - trạm bơm, hồ dự trữ tường chắn - đường nội bộ, nhà xử lý - nhà điều hành, Nhà máy xử lý nước - Đường nội bộ xung quanh nhà điều hành, Hồ dự trữ - Hàng rào.	12,261	11/2016	Từ 11/2016 đến 5/2017	Công ty TNHH Thuần Phúc Thịnh
15	Hợp đồng thi công kênh dẫn nước thô NMN Bàu Bàng	20,138	12/2016	Từ 12/2016 đến 5/2017	Công ty TNHH Đại Phú Thịnh
16	Hợp đồng dịch vụ mua nước thô	3.871	12/2017	12/2018	Cty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa.
17	Hợp đồng kinh tế - V/v Lắp đặt bơm + dây cáp nguồn điện NMN Dĩ An 2	3,298	4/2018	12/2018	XN Xây lắp – Công nghệ Cơ điện Biwase
18	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7,530	12/2017	6/2018	Đào Dương Thanh Huệ
19	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	5,000	6/2018	12/2018	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Bình Dương
20	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	5,000	6/2018	12/2018	Ngân hàng Nam Á – CN Bình Dương

(Nguồn: TDM)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn năm 2016 – 2018

6.1 Kết quả hoạt động SXKD trong giai đoạn năm 2016 – 2018

Bảng 13: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	(%) +/-	Năm 2018	(%) +/-
Tổng tài sản	1.445.040	2.071.760	43,35	1.788.190	(13,7)

Vốn chủ sở hữu	403.836	744.509	84,29	1.109.014	48,9
Doanh thu thuần	150.556	197.002	30,85	286.245	45,3
Lợi nhuận gộp	100.896	134.680	33,48	184.613	37,1
Doanh thu tài chính	12.815	22.430	75,03	74.071	250
Chi phí tài chính	51.566	75.795	46,99	55.644	(26,6)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	58.139	75.347	29,09	196.395	160
Lợi nhuận trước thuế	57.774	75.894	30,85	197.172	160
Lợi nhuận sau thuế	57.774	75.894	30,85	189.996	150
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	51,9	45,8	(6,1%)	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	16,3	13,2	-	17,1	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Tại 31/12/2016, Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn. Vấn đề này đã được xử lý thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp của 1 số chủ nợ. Một số khoản vay ngắn hạn được cơ cấu lại thành khoản vay dài hạn khi đáo hạn.

Giai đoạn 2017 - 2018, Công ty đã tăng vốn điều lệ nên Vốn chủ sở hữu của TDM tăng khá mạnh. Do đó tỷ lệ LNST/VCSH bình quân trong giai đoạn này giảm. Tuy nhiên, lượng vốn mới đã được hấp thụ rất tốt và tất cả các chỉ tiêu Doanh thu đều tăng mạnh. Trong năm 2018, Tổng tài sản giảm 15,8% so với năm 2017. Cụ thể: khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 270,5 tỷ do thanh toán công nợ cho các nhà thầu thi công Dự án NMN Bàu Bàng, trả nợ vay ngân hàng. Các khoản phải thu khác giảm 28 tỷ chủ yếu là do Công ty thực hiện chuyển nhượng lại giá trị cổ phiếu DNW về cho các bên ủy thác gồm Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương và CTCP TM XNK Hiệp Thành Phú, Cty SX và TM Quỳnh Phúc.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

Trong năm 2017, Việt Nam tiếp tục đảm bảo các cân đối vĩ mô, lạm phát thấp, dự trữ ngoại tệ cao nhất và xuất siêu trở lại. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,81%, cao nhất trong 10 năm qua. Các chính sách và thủ tục về thuế có nhiều đổi mới tích cực, báo cáo môi trường kinh doanh năm 2017 do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho thấy xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2016 tăng tới 14 bậc, từ 82 lên 68 trong tổng số 190 nước và vùng lãnh thổ được xếp hạng. Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác tự nhiên từ sông

Đồng Nai nên nhìn chung nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Đội ngũ lãnh đạo của TDM có rất nhiều kinh nghiệm kinh doanh trong ngành cung cấp nước. Công ty có hợp đồng cung cấp nước sạch qua đồng hồ tổng cho khách hàng duy nhất là Biwase nên đầu ra và giá bán khá ổn định.

❖ **Khó khăn**

Trong năm 2017, Việt Nam tiếp tục chịu nhiều tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu, mùa khô kéo dài, nhiều đợt nắng nóng và thiên tai lớn, nguồn nước sông bị nhiễm mặn, do đó có thể ảnh hưởng đến nguồn nước thô do Công ty khai thác để sản xuất nước sạch cung cấp cho khách hàng.

Hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước cao. Một số nhà máy sản xuất đơn lẻ chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như: phân bón, thuốc trừ sâu, gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt hoạt động khai thác cát sạn trái phép trên sông, nhất là trong khu vực bảo vệ nguồn nước của Công ty đang khai thác có nguy cơ gây ô nhiễm cao.

Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước hiện tại là 0,1%. Nước rò rỉ được phân theo 02 loại: loại dễ thấy (nước tràn lên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. Việc sửa chữa các điểm rò rỉ loại dễ thấy được thực hiện nhanh chóng, còn đối với các điểm rò rỉ ngầm dưới lòng đất khó thấy, cần phải có kế hoạch dò tìm và sửa chữa. Các điểm rò rỉ loại này sẽ tồn tại trong một thời gian dài và chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng số lượng nước thất thoát. Hơn nữa, nếu Công ty không dò tìm và sửa chữa các điểm rò rỉ loại này một cách có hệ thống, chúng sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước thất thoát càng tăng lên, ảnh hưởng đến khối lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng.

Với đặc thù Công ty cung cấp nước qua đồng hồ tổng tại chân tường rào nhà máy, vị trí đường ống từ bể chứa nước sạch đến đồng hồ là 5m, nên tỷ lệ thất thoát nước là không đáng kể.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Là công ty mới thành lập cuối năm 2013 với vốn điều lệ ban đầu là 200 tỷ đồng. Tuy nhiên với việc tổ chức thi công nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một (Nhà máy nước Dĩ An) công suất 45.000m³/ngày đêm (giai đoạn 1) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng chỉ trong vòng 9 tháng kể từ lúc thi công thì bước đầu đã tạo được uy tín trong ngành. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nhanh chóng triển khai thi công và đưa vào sử dụng giai đoạn 2 nhà máy nước Dĩ An với công suất 45.000m³/ngày đêm, nâng tổng công suất nhà máy nước Dĩ An lên khoảng 90.000m³/ ngày đêm; đến nay, nhà máy nước Dĩ An đã hoạt động hết công suất. Trong năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng thêm nhà máy 100.000m³/ ngày đêm nâng tổng công suất nhà máy nước Dĩ An 190.000m³/ngày đêm.

Trong thời gian ngắn Công ty đã triển khai thi công và đưa vào sử dụng 2 công trình lớn với tổng công suất 90.000m³/ngày đêm; việc này đã giúp Công ty tạo được tiếng vang cũng như uy tín trong ngành cấp nước của các tỉnh.

Đầu năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương nên đã quyết định đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bàu Bàng giai đoạn 1 công suất 30.000m³/ngày đêm, gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý và được Tổng công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC chấp thuận chủ trương tại công văn số: 584/CV-2015 ngày 29/10/2015, UBND chấp thuận chủ trương tại văn bản số 4227/UBND-KTN ngày 27/11/2015. Trong năm 2017, nhà máy Bàu Bàng đã đưa vào vận hành thử khiến sản lượng nước sản xuất tăng đáng kể, càng tạo thêm uy tín của công ty trong ngành.

Bảng 14: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2018 của các công ty trong ngành

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Cấp thoát nước Bình Định (UPCoM-BDW)	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (HOSE-VSI)	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCoM-CTW)	CTCP Nước Thủ Dầu Một (UPCoM-TDM)
Tổng tài sản	387.978	703.158	816.077	1.788.190
Vốn chủ sở hữu	152.268	208.645	399.414	1.109.014
Vốn điều lệ	124.108	132.000	280.000	812.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	175.514	531.717	238.865	286.245
Doanh thu tài chính	317	13.082	178	74.071
Lợi nhuận khác	1.008	272	3.890	777
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.983	30.441	46.347	197.172
Lợi nhuận sau thuế	13.552	22.496	37.654	189.996
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	9,02	13,28	9,57	17,13

(Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính Quý 4/2018 của các công ty)

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Bình Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, một trong những địa phương năng động trong kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài; vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước, là cấp thiết và phải được đặt lên hàng đầu. Hiện nay, tỉnh có khoảng 28 khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung với tổng diện tích hơn 8.700 ha cùng hơn 1.200 doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nhu cầu sử dụng nước sạch cho dân dụng và công nghiệp nhờ đó cũng gia tăng ngày một cao.

Bình Dương với mục tiêu phát triển kinh tế Xã hội giai đoạn 2016 - 2020: nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng quy mô nền kinh tế đảm bảo phát triển bền vững và tăng trưởng hợp lý. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ - công nghiệp gắn với quá trình đô thị hóa, đầu tư phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của người dân. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Bình Dương trở thành đô thị văn minh, giàu đẹp, là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2020.

- Phần đầu đến năm 2020, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp lớn, từng bước trở thành thành phố công nghiệp đạt trình độ tiên tiến và hiện đại.
- Phát triển công nghiệp gắn với hình thành các khu vực dịch vụ - đô thị, xây dựng nhà ở công nhân và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.
- Từng bước chấm dứt tình trạng thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trái phép và tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; bảo đảm khai thác hài hòa- Đầu tư xây dựng các nhà máy nước đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt; đầu tư, khai thác hiệu quả tuyến dẫn nước kênh thủy lợi Phước Hòa để cung cấp cho đô thị, công nghiệp và nông nghiệp. Tiếp tục triển khai đề án cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường Nam Bình Dương. Đấu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung đô thị.

7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với tình hình triển khai các dự án hiện tại cùng với chiến lược kinh doanh trong tương lai, chủ yếu là đầu tư sản xuất nước sạch cho thấy định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của tỉnh Bình Dương nói riêng và của cả nước nói chung.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Tình hình lao động

Do đặc thù của ngành sản xuất cung cấp nước sạch là tính tự động hóa cao nên việc vận hành nhà máy nước Dĩ An được thuê đơn vị ngoài (nhân sự thuê ngoài chủ yếu làm vệ sinh công nghiệp và theo dõi giám sát hoạt động của hệ thống tự động SCADA) nên tính đến thời điểm 30/06/2018, tổng số lao động trong Công ty là 22 người, trong đó: 17 nam và 5 nữ.

Nhà máy nước Bàu Bàng do đội ngũ nhân viên của Công ty vận hành (9 người) công việc chủ yếu là vệ sinh công nghiệp và theo dõi giám sát hệ thống vận hành tự động (SCADA)

Số lao động còn lại của Công ty chủ là làm công tác quản lý, kỹ thuật kế hoạch và tài chính kế toán

Bảng 15: Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn

STT	Loại lao động	Số lượng (người)
1	Trình độ đại học và trên đại học	9
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	5
3	Công nhân kỹ thuật	5
4	Đối tượng khác	3
	Tổng cộng	22

(Nguồn: TDM)

8.2 Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Về thời gian làm việc: CBCNV làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của bộ Luật lao động. Văn phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho công việc.

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty đang áp dụng chính sách trả lương theo nguyên tắc 3Ps đảm bảo công bằng và cạnh tranh trên thị trường: Vị trí công việc (Position), Năng lực cá nhân (Personal) và Kết quả công việc (Performance). Công ty có các hình thức khen thưởng sau:

- Lương tháng 13;
- Thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh theo đóng góp của nhân viên và thành tích của cá nhân;
- Thưởng đột xuất cho nhân viên khi đạt được các thành tích xuất sắc và/hoặc làm lợi cho Công ty như cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí, mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng với lãi gộp cao, vượt kế hoạch trước thời hạn;
- Thưởng cho tập thể lao động giỏi, cá nhân tiêu biểu;
- Thưởng cho cán bộ quản lý lãnh đạo theo mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh đạt được.

Ngoài tiền lương, nhân viên còn được hưởng thêm phụ cấp ăn giữa ca. Ngoài ra, tùy theo vị trí công việc và/hoặc cấp bậc, nhân viên còn được hưởng: phụ cấp xăng xe, phụ cấp khác... Nội bật tại Công ty là chính sách phúc lợi khá toàn diện. Mục tiêu của Công ty là tạo ra môi trường làm việc thân thiện, vui tươi và giúp nhân viên có một cuộc sống tốt hơn. Nhân viên Công ty

đều được hưởng các chế độ phúc lợi sau đây (bằng hiện kim hoặc quà tặng có giá trị):

- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 (CBCNV nữ Công ty);
- Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 (cho các cháu là con của nhân viên);
- Tết Trung thu (cho các cháu là con của nhân viên);
- Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 (CBCNV nữ Công ty);
- Thăm hỏi nhân viên khi ốm đau, sinh nở, tai nạn;
- Phúng điếu khi thân nhân của nhân viên và/hoặc khi nhân viên qua đời.

❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Đào tạo và phát triển CBCNV luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm nâng cao năng lực cá nhân của nhân viên, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận trong tương lai. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng cấp nhân viên và yêu cầu năng lực đối với từng vị trí, Công ty có những hình thức đào tạo như:

- Cử nhân viên đi đào tạo về chuyên môn ở trong và ngoài nước;
- Đào tạo tập trung các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc cho nhân viên, kỹ năng quản lý cho đội ngũ kế cận;
- Cử người phụ trách kèm cặp nhân viên mới và huấn luyện trong công việc;
- Luân chuyển nhân viên trong nội bộ hoặc cử đến các Công ty bạn để đào tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty khuyến khích nhân viên chủ động đề xuất với phòng Nhân sự - Quản trị và cấp quản lý để được chuyển sang làm công việc và/hoặc bộ phận khác nếu thấy thích thú hoặc phù hợp hơn với công việc/bộ phận đó.

9. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm. Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm nhưng sẽ không vượt quá mức HĐQT đề nghị. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được hoặc chi trả phần cổ tức đó bằng tài sản cụ thể vào thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định.

Bảng 16: Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất

STT	Năm	Tỷ lệ cổ tức	Phương thức chia cổ tức
1	2017	8%	Chia cổ tức bằng tiền mặt, cổ phiếu
2	2018	9%	Chia cổ tức bằng tiền mặt

(Nguồn: TDM)

10. Tình hình tài chính của Công ty

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	Nợ phải trả	1.041.203	1.327.250	679.175
1	Nợ ngắn hạn	634.138	831.714	254.552
2	Nợ dài hạn	407.064	495.536	424.622
II	Vốn chủ sở hữu	403.836	744.509	1.109.014
Tổng cộng		1.445.039	2.071.759	1.788.190

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Công ty luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động công ty.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 09/06/2013, Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao của các thiết bị theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và từ ngày 10/06/2013 trở đi áp dụng theo TT 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của BTC theo phương pháp đường thẳng.

- Nhà xưởng, vật kiến trúc	:	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	06 - 08 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	:	05 - 13 năm
- Quyền sử dụng đất	:	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	:	05 - 15 năm

(Nguồn: BCTC KT năm 2017, 2018)

❖ Mức lương bình quân

Bảng 17: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,0	14,0

(Nguồn: TDM)

Bảng 18: Mức lương bình quân của một số công ty trong ngành

Đơn vị: Triệu đồng

Công ty	Năm 2016	Năm 2017
CTCP Cấp thoát nước Bình Định	6,6	7,3
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	10,5	11,5
CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	11,7	12

(Nguồn: Tổng hợp Báo cáo thường niên năm 2017 của các công ty)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2016 và năm 2017 của Công ty, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn và không có dư nợ bảo lãnh.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 19: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.239
3	Thuế thu nhập cá nhân	38	40	53
4	Thuế tài nguyên	68	84	200
5	Các khoản phí, lệ phí	350	-	-



	Tổng cộng	456	124	2.493
--	------------------	------------	------------	--------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ Công ty và theo của pháp luật.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 20: Các khoản nợ vay của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	555.403	374.256	129.021
1	Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	102.361	-	-
2	Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bình Dương	105.000	149.097	-
3	Ngân hàng VCB Chi nhánh Bình Dương			592
4	Mượn vốn ngắn hạn cổ đông - khác	235.173	85.430	-
5	Nợ dài hạn đến hạn trả	112.869	139.728	128.428
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	407.065	495.536	424.622
1	Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (i)	102.480	137.301	72.544
2	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (ii)	266.954	217.263	113.371
3	Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương (iii)	150.500	280.700	189.600
4	Vay dài hạn các cổ đông (iv)	-	-	49.107
	Tổng cộng	962.468	869.792	626.890

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

(i) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện đầu tư mua cổ phiếu CTCP Cấp nước Đồng Nai; Đầu tư tuyến ống nước thô D1400mm. Các khoản vay được đảm bảo bằng 9.350.000 cổ phiếu CTCP Cấp nước Đồng Nai theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu số 15280197/HĐCC ngày 15/09/2015 và



5.250.000 cổ phiếu CTCP Nước Môi trường Bình Dương theo Hợp đồng chào bán cổ phiếu số 170527/HĐCC ngày 28/12/2017.

- (ii) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thực hiện Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng công suất 45.000 m³/ngày đêm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành bằng vốn vay, quyền thu tiền nước, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất.
- (iii) Các khoản vay tại Quỹ Đầu tư phát triển Bình Dương để thực hiện Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng công suất 45.000 m³/ngày đêm; Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị nhà máy nước Bàu Bàng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, quyền thu tiền nước và 200.000 cổ phần góp vốn của Công ty tại CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường và 52.250.000 cp góp vốn vào Cty cổ phần Nước _ Môi trường Bình Dương.
- (iv) Các khoản vay không có tài sản đảm bảo từ các cổ đông của Công ty; mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, thực hiện các phương án sản xuất, kinh doanh.

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 21: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	113.913	93.661	76.033
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn (i)	5.466	6.294	30.122
2	Trả trước cho người bán	31.226	16.726	3.276
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.000	-	-
4	Các khoản phải thu khác	76.221	70.640	42.634
4.1	Phải thu về tạm ứng	10.287	9.536	1.730
4.2	Phải thu BQL Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Biwase (ii)	4.683	4.683	-
4.3	Phải thu về nhận mua hộ cổ phiếu (iii)	61.048	55.950	-
4.4	Phải thu về cổ tức được chia	-	-	40.425
4.5	Phải thu về lãi cho vay	183	-	425



4.6	<i>Phải thu khác</i>	19	471	53
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	113.913	93.660	35.608

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

- (i) Khoản phải thu ngắn hạn khác tăng hơn so với thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017 là do: Doanh thu tiền nước của tháng này qua tháng sau mới được thanh toán riêng thời điểm vào thời điểm 31/12 thì doanh thu tiền nước được khách hàng thanh toán trong kỳ.
- (ii) Đây là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Ban quản lý dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một (“Ban ADB”) – CTCP Nước – Môi trường Bình Dương để thanh toán các chi phí tư vấn xây dựng nhà máy nước Nam Thủ Dầu 1 giai đoạn 1. Bản chất là do ban đầu dự án Nhà máy nước Nam Thủ Dầu 1 là một dự án do Ban ADB chịu trách nhiệm xây dựng và quản lý, sau này được bàn giao chuyển cho Công ty quản lý. Tuy nhiên các hợp đồng tư vấn trước đó đều ký kết với Ban ADB và nhà cung cấp cũng xuất hóa đơn cho Ban ADB. Vì vậy Công ty chưa có đủ hồ sơ làm cơ sở để quyết toán các khoản chi phí này. Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan để có biện pháp giải quyết đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. Tính đến 30/09/2018, Công ty đã tất toán khoản phải thu này.
- (iii) Trong đó bao gồm giá gốc của cổ phiếu DNW do Công ty đã mua và đứng tên các Hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác. Cụ thể, Công ty nhận tiền từ các bên ủy thác để mua cổ phiếu DNW với giá 15.000 VND/cổ phiếu. Số tiền các bên ủy thác đã chuyển cho TDM được trình bày chi tiết trong thuyết minh báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Công ty không hưởng bất kỳ quyền lợi nào từ số lượng cổ phần được ủy thác. Tính đến thời điểm 30/06/2018 Công ty đã hoàn trả số lượng cổ phiếu cho bên ủy thác (cụ thể: CTCP Nước – Môi trường Bình Dương: 2.700.000 cổ phần; CTCP TM XNK Hiệp Thành Phú: 330.000 cổ phần) còn lại CT TNHH SX và TM Quỳnh Phúc: 700.000 cổ phần. Công ty sẽ tiến hành thủ tục hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc. Trong năm 2015, Công ty có ủy quyền cho bà Dương Anh Thư đứng tên 200.000 cổ phiếu của CTCP Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường. Đến năm 2017, Bà Thư đã thực hiện chuyển sở hữu sang tên Công ty theo đúng quy định của pháp luật và không có tranh chấp gì của 2 bên.

❖ **Các khoản Nợ phải trả**

Công ty không có nợ phải trả quá hạn và các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước quá hạn.

Đồng thời, Công ty cũng không tiến hành bảo lãnh hay xin bảo lãnh từ đơn vị thứ 3 cho bất kỳ khoản vay nào.

Bảng 22: Chi tiết các khoản Nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Trang 52



STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
I	Các khoản phải trả ngắn hạn	634.138	831.714	254.551
1	Phải trả người bán ngắn hạn	15.196	13.719	12.812
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	457	123	2.493
3	Phải trả người lao động	-	101	113
4	Chi phí phải trả	6.914	23.422	610
5	Vay và nợ thuê tài chính	555.403	374.256	129.021
6	Phải trả ngắn hạn khác	50.430	412.805	97.689
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.738	7.288	11.813
II	Các khoản phải trả dài hạn	407.064	495.536	424.622
1	Vay và nợ thuê tài chính	407.065	495.536	424.622
	Tổng cộng	1.041.203	1.327.251	606.095

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

10.2 Giao dịch với những người có liên quan

Đơn vị: Triệu đồng

Giao dịch phát sinh	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu cung cấp nước				278.590
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	150.556	196.950	278.590
Mua hàng hóa – dịch vụ				30.278
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	7.536	28.467	29.046
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn			1.231
Thu lãi cho vay		-	183	-



Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	-	183	-
Trả lãi vay			1.889	18.221
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	-	-	586
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	3.194	-	11.788
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	859	364	3.376
Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	505	1.524	1.771
Ông Trần Thế Hưng				309
Ông Nguyễn Thanh Phong				228
Bà Nguyễn Thị Diên				85
Bà Nguyễn Thị Mộng Thường				76
Thu tiền góp vốn				-
Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	10.080	53.140	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	10.000	53.070	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	5.000	119.190	-
Trả cổ tức		15.600	25.908	38.771
Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	4.500	6.108	9.138
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	Cổ đông lớn	4.500	6.100	9.138
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	6.600	13.700	20.495



Cổ tức được nhận		7.800	13.505	66.812
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường	Công ty liên kết	7.800	13.505	400
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (2017-2018)		-	380	66.412.

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Giao dịch phát sinh	Mối quan hệ	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Phải thu khách hàng		6.466	6.240	30.003
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết	5.466	6.240	30.003
Phải thu về cho vay				
Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	1.000	-	-
Phải thu khác		4.683	4.683	40.441
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty liên kết		-	40.250
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc			-	16
BQL Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	Cổ đông lớn	4.683	4.683	-
Trả trước cho người bán			3.245	427
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường		20.506	-	427
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Công ty liên kết	245	3.245	
Phải trả cho người bán			7.720	8.778
BQL Dự án Cấp nước Nam Thủ				1.891



Dầu Một mở rộng				
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương	Cổ đông lớn	2.115	7.631	6.887
CTCP Tư vấn – Cấp thoát nước – Môi trường	Cổ đông lớn	89	89	-
Phải trả về ủy thác mua cổ phiếu		-	50.479	-
CTCP Nước – Môi trường Bình Dương		-	40.500	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc		-	9.979	-
Mượn vốn cổ đông không lãi suất		-	23.457	14.720
CTCP Nhựa Thiều niên Tiền Phong phía Nam			-	14.720
Công ty TNHH MV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông lớn	-	3.750	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	-	7.500	-
Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc	-	12.207	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

10.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,21	0,51	0,56
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,20	0,51	0,55



<i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,64	0,38
- Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,58	1,78	0,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	1,76	29,45	103,18
- Vòng quay tổng tài sản <i>(DTT/Tổng tài sản bình quân)</i>	Lần	0,13	0,11	0,16
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	38,37	38,52	66,3
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	16,31	13,22	17,1
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,01	4,32	10,6
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/DTT	%	38,62	38,25	68,6

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018)

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2017, khả năng thanh toán của công ty đã được cải thiện đáng kể so với năm 2016. Sự gia tăng mạnh các khoản phải trả ngắn hạn trong năm 2017 còn bao gồm các khoản đã nhận của nhà đầu tư theo chương trình phát hành tăng vốn cũng như tiền đặt cọc từ việc chuyển nhượng cổ phiếu do đó không ảnh hưởng nhiều đến khả năng thanh toán của công ty.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Tổng vốn chủ sở hữu giảm trong năm 2017 do công ty đã phát hành tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn từ vốn chủ sở hữu. Bên cạnh đó, gia tăng nợ phải trả chủ yếu đến từ sự gia tăng số dư nợ ngắn hạn với mục đích để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời và bổ sung vốn cho dự án nhà máy nước Bàu Bàng.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Từ năm 2016 đến năm 2017, các chỉ số về năng lực hoạt động của Công ty không có nhiều thay đổi lớn ngoại trừ sự tăng mạnh trong vòng quay hàng tồn kho do về mặt bản chất công ty chủ yếu kinh doanh nước nên công ty không có nhiều hàng tồn kho.

Nhóm chỉ tiêu sinh lợi của Công ty

Trong năm 2017, việc đưa nhà máy nước Bàu Bàng đi vào hoạt động đã nâng tổng sản lượng sản xuất nước của công ty lên đáng kể đáp ứng kịp thời nhu cầu gia tăng về nước sinh hoạt và sản xuất tại địa phương. Do đó, doanh thu cung cấp nước của Công ty tăng trưởng mạnh. Cùng với đó là sự hiệu quả trong quản lý chi phí của Công ty. Do đó, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 31,3%. Các chỉ số về khả năng sinh lợi của công ty được cải thiện đáng kể cho thấy tiềm năng lớn trong việc cải thiện lợi nhuận trong các năm sắp tới. Do công ty mới phát hành tăng vốn nên chỉ số LNST/VCSH có giảm nhẹ.

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT
3	Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên HĐQT
5	Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

❖ Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch HĐQT

Họ tên	NGUYỄN VĂN TRÍ
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/10/1973
Nơi sinh	Quảng Nam
CMND	280961641 cấp ngày 09/11/2010
Điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	59/49 Khu 5, Phường Định Hòa, Tp.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam



Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc Thành viên HĐQT CTCP Tái chế Vật liệu Xanh Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ Từ 2006 – nay	Giám đốc công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc
▪ 11/2013 – 06/2016	Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
▪ 10/2014 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Tái chế Vật liệu xanh
▪ 09/2016 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	12.572.727 cổ phần, tương đương 15,49 % vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	500.000 cổ phần, tương đương 0,62% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	12.072.727 cổ phần, tương đương 14,87% vốn điều lệ (Đại diện công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc: 12.572.727 cổ phần, tương đương 15,49% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu xanh: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương:



tại tổ chức khác	2.850.000 cổ phần, tương đương 1,9% vốn điều lệ (đại diện Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc)
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ Ông Nguyễn Thanh Phong – Thành Viên HĐQT

Họ tên	NGUYỄN THANH PHONG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/03/1972
Nơi sinh	An Giang
CMND	024302473 cấp ngày 21/12/2010
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	278 Tô Hiến Thành, P15, Q10, Tp.Hồ Chí Minh
Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Hàng hải
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Trung An Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

Quá trình công tác

- 1999 – nay Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P
- 11/2013 – nay Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- 06/2017 - nay Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Chợ Lớn
- Từ 2014 - nay Thành viên HĐQT CTCPCấp nước Cần Thơ 2
- 04/2017 - nay Thành viên HĐQT CTCPCấp nước Trung An
- Từ T9/2016 - nay Thành viên HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 9.007.000 cổ phần, tương đương 11,09% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 600.000 cổ phần, tương đương 0,74% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 8.407.000 cổ phần, tương đương 10,35% vốn điều lệ (Đại diện Công ty TNHH Thương mại N.T.P)

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Công ty TNHH Thương mại N.T.P 8.407.000 cổ phần, tương đương 10,35% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại các tổ chức khác

1. Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn: 67.930 cổ phần, tương đương 0,52% vốn điều lệ.
2. Công ty cổ phần Cấp nước Trung An: 792.500 cổ phần, tương đương 15,85% vốn điều lệ.
3. Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương: 1.000.000 cổ phần, tương đương 0,66% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ **Ông Võ Văn Bình – Thành viên Hội đồng Quản trị**



Họ tên	VÕ VĂN BÌNH
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/11/1967
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	075067000158 cấp ngày 18/06/2018
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	102/16H/7T8 Âu Dương Lân, P3, Q8, TPHCM
Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Công nghệ Quốc tế Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu Chủ tịch Công ty TNHH Bình Minh Sáng Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Châu Đức Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai
Quá trình công tác	
▪ 11/2013 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
▪ 2012 – nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Công nghệ Quốc tế
▪ 2014 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ - Kỹ thuật D&B



▪ Từ T01/2008 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu
▪ Từ T7/2010 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH Bình Minh Sáng
▪ Từ T12/2012 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Châu Đức
▪ Từ T01/2014 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng
▪ T01/2015 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai
▪ 1997 – 2012	Giám đốc Công ty Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	4.500.000 cổ phần, tương đương 5,54% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	4.500.000 cổ phần, tương đương 5,54% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác	1. Công ty Cổ phần Nước và Công nghệ Quốc tế: 900.000 cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu 776.193 cổ phần, tương đương 1,23% vốn điều lệ (Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ - Kỹ thuật D&B nắm giữ) 3. Công ty TNHH Bình Minh Sáng: 20 tỷ đồng 100% vốn điều lệ 4. Công ty cổ phần Nước Châu Đức: 1.100.000 cổ phần, tương đương 5,5% vốn điều lệ 5. Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng: 548.800 cổ phần, tương đương 13.19% vốn điều lệ (Đại diện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ - Kỹ thuật D&B nắm giữ)
Các khoản nợ đối với Công ty	Không



Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

❖ Ông Lý Thế Anh Tuấn – Thành viên Hội đồng Quản trị

Họ tên	LÝ THẾ ANH TUẤN
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/06/1967
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280447029
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	KP An Hoà, phường Hoà Lợi, Bến Cát, Bình Dương
Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Không có
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Quản lý CTCP Tân Thanh
Quá trình công tác	
▪ 2012 – nay	Quản lý tại Công ty CP Tân Thanh
▪ 7/11/2013 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Trong đó:



▪ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Bằng cấp	12/12
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV HĐQT
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
❖ Bà Nguyễn Thị Diên – Thành viên Hội đồng Quản trị	
Họ tên	NGUYỄN THỊ DIÊN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/08/1965
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280350663 Ngày cấp: 26/07/2018
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 62, Hoàng Hoa Thám, Hiệp Thành Bình Dương
Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi trường Bình Dương



Quá trình công tác

- 2010 – nay Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
- 2005 – 2010 Làm việc tại Ban Quản lý dự án – Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương
- 1990 – 2005 Làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát Nước - Môi trường Bình Dương
- 2016 – nay TV HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 1.226.000 cổ phần, tương đương 1,51% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 1.226.000 cổ phần, tương đương 1,51% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan
Chồng: Dương Hoàng Sơn: 466.525 cổ phần, tương đương 0,57% vốn điều lệ

Em ruột: Nguyễn Văn Sáu: 63.750 cổ phần, tương đương 0,08% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại tổ chức khác Công ty Cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương: 11.200 cổ phần, tương đương 0,007% vốn điều lệ.

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Thù lao TV HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

11.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc



2	Bà Tăng Tố Vân	Kế toán trưởng
---	----------------	----------------

❖ **Ông Trần Thế Hưng – Tổng Giám đốc**

Họ tên	TRẦN THẾ HÙNG
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05/09/1977
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280629047 cấp ngày 08/05/2015
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	29/15, Tổ 9, khu 12, Phường Chánh Nghĩa, Tp.Thủ Dầu Một, Bình Dương
Bằng cấp	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	
▪ 11/2013 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
▪ 07/2002 – 11/2013	Công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	1.546.725 cổ phần, tương đương 1,90% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	1.546.725 cổ phần, tương đương 1,90% vốn điều lệ



▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

❖ **Bà Tăng Tố Vân – Kế toán trưởng:**

Họ tên	TĂNG TỐ VÂN
Giới tính	NỮ
Ngày tháng năm sinh	18/8/1972
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280522101 cấp ngày 18/9/2014
Số điện thoại	(84-274) 384 2277
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Địa chỉ thường trú	Ô 22D2, Đường số 3, giai đoạn 2, KDC Hiệp Thành 1, phường Hiệp Thành, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Ngành tài chính kế toán các doanh nghiệp
Bằng cấp	12/12
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không

Quá trình công tác

- Từ T02/2017 đến nay Kế toán trưởng - Công tác tại Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
- Từ 1999 đến T02/2017 Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương).
- 1994 – 1998 Kế toán tại NH TMCP Việt Hoa – Chi nhánh Sông Bé

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ 40.000 cổ phần, tương đương 0,0049% vốn điều lệ

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân 40.000 cổ phần, tương đương 0,0049% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu 0 cổ phần, tương đương 0,00% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương: 11.300 cổ phần, tương đương 0,007% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan Không có

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

11.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Mộng Thường	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Ái Nhân	Thành viên

❖ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Trưởng Ban kiểm soát**



Họ tên	NGUYỄN THỊ NGỌC THANH
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/07/1986
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280887623
Số điện thoại	(84-274) 384 2255
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	72/3 Kp1, P. Tân Định, Bến Cát, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Quản trị tài chính
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Công tác tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 11/2015 – nay	Công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
▪ 01/2015 – 11/2015	Làm việc tại NHTMCP Đại Chúng Việt Nam
▪ 2014 – 01/2015	Làm việc tại CTCP Tân Thanh
▪ 2016 – nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nước Thủ Dầu Một
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan

Bố: Nguyễn Văn Thiên: 1.356.949 cổ phần, tương đương 1,67% vốn điều lệ

Mẹ: Đặng Thị Mười: 400.000 cổ phần, tương đương 0,49% vốn điều lệ

Chồng: Nguyễn Thành Đông: 800 cổ phần, tương đương 0,001% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác

Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương: 230.000 cổ phần, tương đương 0,15% vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty

Thù lao TV BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

❖ Bà Nguyễn Thị Mộng Thường - Thành viên Ban kiểm soát

Họ tên

NGUYỄN THỊ MỘNG THƯỜNG

Giới tính

Nữ

Ngày tháng năm sinh

27/7/1985

Nơi sinh

Bình Dương

CMND

280843806 cấp ngày 20/10/2010

Số điện thoại

(84-274) 384 2255

Quốc tịch

Việt Nam

Dân tộc

Kinh

Địa chỉ thường trú

73/28 Huỳnh Văn Luỹ, Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kế toán

Bằng cấp

12/12

Chức vụ hiện nay tại Công ty

Thành viên BKS

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức

Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi



khác	trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 2006 – nay	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước - Môi trường Bình Dương)
▪ 2016 – nay	Thành viên BKS CTCP Nước Thủ Dầu Một
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	200.000 cổ phần, tương đương 0,25% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	200.000 cổ phần, tương đương 0,25% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương: 5.900 cổ phần, tương đương 0,003% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV BKS
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
❖ Bà Nguyễn Thị Ái Nhân - Thành viên Ban kiểm soát	
Họ tên	NGUYỄN THỊ ÁI NHÂN
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	03/09/1990
Nơi sinh	Bình Dương
CMND	280942276
Số điện thoại	(84-274) 384 2255



Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	20/3 Khu phố Bình Quới A, Phường Bình Chuẩn, Thị Xã Thuận An, Bình Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính – ngân hàng
Bằng cấp	12/12
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên BKS
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Làm việc tại Phòng Tài chính Kế toán CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
Quá trình công tác	
▪ 2012 – nay	Làm việc tại Phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp cấp nước Dĩ An thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước - Môi trường Bình Dương (nay là Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương)
▪ 2017 – nay	Thành viên BKS CTCP Nước Thủ Dầu Một
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Trong đó:	
▪ Sở hữu cá nhân	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
▪ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	Thù lao TV BKS

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

12. Tài sản

Bảng 24: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	833.320	125.479	707.840
Nhà xưởng, vật kiến trúc	406.059	60.956	345.103
Máy móc và thiết bị	143.764	34.147	109.617
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	277.258	29.739	247.520
Thiết bị dụng cụ quản lý	121	88	33
TSCĐ khác	6.118	549	5.568
2. Tài sản cố định vô hình	59.508	2.776	56.732
Quyền sử dụng đất (*)	58.816	2.511	56.305
Phần mềm máy tính	692	265	427

(Nguồn: BCTC KT năm 2018)

(*) Chi tiết quyền sử dụng đất:

STT	Công ty	Vị trí	Diện tích (m ²)	Thời hạn
1	Nhà máy nước thô Dĩ An	Thái Hòa, Tân Uyên, Bình Dương	4.698,1	Đến ngày 12/11/2064
2	Nhà máy xử lý nước Dĩ An	An Phú, Thuận An, Bình Dương	71.196,6	Đến ngày 12/11/2064
3	Nhà Máy Nước thô Bàu Bàng	Xã Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Bình Dương	204.521,2	Đang trong giai đoạn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



4	Nhà máy Xử lý nước Bàu Bàng	Xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương	174.441,0	Đến ngày 04/08/2067
Tổng cộng			454.856,9	

(Nguồn: TDM)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch SXKD, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2019 được dự kiến như sau:

Bảng 25: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của TDM

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	%+/- /2017	Kế hoạch năm 2019	%+/- /2018
1	Sản lượng nước (m3)	38.359.738	51.144.568	33,3	62.907.818	23,0
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	197.002	286.245	45,3	372.119	30,1
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	75.894	189.996	150	220.775	16,2
4	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	744.509	1.109.014	49	1.415.897	27,6
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	8,0	9,0	12,5	9,0	-
6	LNST/DTT (%)	38,5	42,3	9,9	59,3	-
7	LNST/VCSH (%)	13,2	13,1	-	15,6	-

(Nguồn: TDM)

13.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Năm 2018, Công ty đã đạt trên 100% sản lượng nước sạch, 117% Doanh thu kế hoạch và 150% kế hoạch Lợi nhuận để ra cho cả năm 2018. Do đó, Hội đồng quản trị tiếp tục đặt kế hoạch cho năm 2019 với những chỉ tiêu cao hơn so với kết quả đạt được trong năm 2018. Cơ sở để Công ty vạch ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2019 được Hội đồng quản trị xác định như sau:

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sạch rất có triển vọng vì nhu cầu thị trường đối với dịch vụ Công ty cung cấp ngày một tăng. Với lợi thế của tỉnh Bình Dương là tỉnh có nhiều khu công nghiệp tập trung và dân cư từ các địa



- phương khác tập trung về đông kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch tăng. Điều này đòi hỏi sản lượng cung cấp nước ngày càng cao.
- Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Dương, trong đó có quy hoạch ngành cấp nước, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để tăng sản lượng nước. Định hướng của Công ty là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Bình Dương, phù hợp với tốc độ đô thị hoá và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.
 - Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện việc nâng cấp Hệ thống Cấp nước Dĩ An thuộc NMN Dĩ An giai đoạn 2- Nâng tổng công suất NMN Dĩ An lên 160.000 m³/ngày đêm.
 - Từ tháng 7/2018, Công ty đã triển khai nâng cấp hệ thống ống bê lắng - lắp thêm ống lắng lamen để nâng tổng công suất Nhà nước Dĩ An lên thành 160.000m³/ngày đêm với tổng giá trị 28 tỷ đồng, dự kiến đến 11/2018 hoàn thành đưa vào sử dụng.
 - Dự án Nâng công suất Nhà máy Khu liên hợp với công suất tăng thêm 60.000m³/ngày đêm. Khi đó sẽ góp phần nâng cao sản lượng, tăng doanh thu và mang lại hiệu quả đầu tư rất lớn cho Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Dự án đang trong giai đoạn tiền khả thi và sẽ được triển khai trong thời gian tới.
 - Công ty nhận được được sự quan tâm, hỗ trợ của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, các Sở, ban, ngành của Tỉnh và chính quyền các cấp từ địa phương đến Trung ương, đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được cấp trên giao hàng năm cho Công ty.
 - Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều năm kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm tài chính 2019 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và



dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một

2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

4. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 14.500.000 cổ phiếu, gồm có:

- Phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai: 9.500.000 (*Chín triệu năm trăm nghìn*) cổ phiếu
- Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư: 5.000.000 (*Năm triệu*) cổ phiếu

5. Giá phát hành:

5.1 Phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai:

Giá khởi điểm dự kiến: không thấp hơn 20.000 (*Hai mươi nghìn*) đồng/cổ phiếu.

HĐQT sẽ đưa ra mức giá khởi điểm chính xác dựa trên tình hình giao dịch thực tế của cổ phiếu TDM tại thời điểm thực hiện đấu giá công khai

5.2 Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho các nhà đầu tư: 23.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

6.1 Phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai:

Căn cứ vào giá trị sổ sách tại Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thời điểm gần nhất.

6.2 Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho các nhà đầu tư:

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/10/2018 của CTCP Nước Thủ Dầu Một.

7. Phương thức phân phối

7.1 9.500.000 cổ phiếu sẽ được phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

7.2 5.000.000 cổ phiếu sẽ được phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư.

❖ **Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam (TPN)**

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh các chủng loại ống và phụ tùng nhựa dùng cho ngành nước.
- Vốn điều lệ: 279.275.000.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu hiện tại: 8,26% (7.000.000/81.200.000)
- Tỷ lệ sở hữu sau khi mua thêm 3.200.000 cổ phiếu: 10,66% (10.200.000/95.700.000)
- Quan hệ với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một: Cổ đông lớn.
- Quan hệ với nhà đầu tư Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (NTP) trong đợt phát hành: là Công ty liên kết.

❖ **Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (NTP)**

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh các chủng loại ống và phụ tùng nhựa dùng cho ngành nước.
- Vốn điều lệ: 892.403.020.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu hiện tại: 00,00% (0/81.200.000)
- Tỷ lệ sở hữu sau khi mua 1.800.000 cổ phiếu: 1,88% (1.800.000/95.700.000)
- Quan hệ với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một: Người có liên quan của cổ đông lớn
- Quan hệ với nhà đầu tư Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam (TPN) trong đợt phát hành: là Công ty liên kết.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận phát hành chứng khoán ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện phân phối cổ phiếu trong vòng 90 ngày theo đúng quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến: Từ Quý 1 năm 2019 và sau khi được UBCKNN chấp thuận việc phát hành.

Bảng 26. Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua đấu giá

STT	Công việc	Thời gian
1	Ủy Ban chứng khoán cấp Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu	T
2	TDM thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	T+1 đến T+7
3	Nhà đầu tư đăng ký đấu giá	T+8 đến T+27
4	Nhà đầu tư bỏ phiếu đấu giá	T+30
5	Tổ chức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh	T+32
6	Trả tiền đặt cọc cho Nhà đầu tư không trúng quyền mua cổ phiếu	T+34 đến T+37
7	Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phiếu trúng đấu giá	T+33 đến T+42
8	Phân phối số cổ phiếu không phân phối hết thông qua đấu giá (nếu có)	T+42 đến T+50 (có thể thay đổi tùy thuộc vào khả năng phân phối tại thời điểm phát hành)

STT	Công việc	Thời gian
9	TDM báo cáo kết quả phát hành	T+59
10	UBCKNN thông báo kết quả phát hành	T+61
11	TDM thực hiện và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung	T+62 đến T+71

9. Đăng ký mua cổ phiếu

Do thực hiện việc phân phối cổ phiếu theo hình thức đấu giá công khai nên TDM sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua, phương thức thanh toán, số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại cọc trong trường hợp nhà đầu tư không được mua hết số lượng cổ phiếu đăng ký mua và các hướng dẫn chi tiết khác cho các nhà đầu tư quan tâm trong Quy chế đấu giá, sau khi nhận được Giấy chứng nhận phát hành chứng khoán ra công chúng từ UBCKNN và chốt Quy chế đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

10. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu phát hành không hết sẽ thực hiện bán đấu giá tiếp hoặc phân phối cho các nhà đầu tư theo nguyên tắc giá phát hành không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của TDM không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đại chúng nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu TDM của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán, trong đó quy định:

“ - Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở



hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại các trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Do đó, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một là 49%.

Tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại thời điểm tháng 02/01/2019 là 0,008%.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu phát hành thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu phát hành riêng lẻ, cổ phiếu còn lại sau khi đấu giá công khai được Hội đồng quản trị phân phối cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

13. Các loại thuế có liên quan

13.1 Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

❖ Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

13.2 Đối với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân

❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số



điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0.1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức:
- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6. Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

Số tài khoản	650 10 00 2868 363
Mở tại	BIDV - CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG
Tên người thụ hưởng	CTCP Nước Thủ Dầu một

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

- Nâng công suất sản xuất nước sạch của Nhà máy Dĩ An từ 100.000m³/ngày đêm lên 200.000m³/ngày đêm thông qua việc đầu tư máy móc, thiết bị; lắp đặt hệ thống ống công nghệ trên diện tích hiện hữu của Nhà máy.
 - Tổng mức đầu tư của toàn dự án : 557.978.036.000 đồng



- Tổng số tiền cần huy động thêm thông qua đợt phát hành : 265.041.915.230 đồng
- Bổ sung vốn lưu động để giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngắn hạn của Ngân hàng.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

- Tổng số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành: 305.000.000.000 (Ba trăm lẻ năm tỷ) đồng
 - + Đấu giá công khai : tối thiểu 190.000.000.000 (Một trăm chín mươi tỷ) đồng
 - + Chào bán riêng lẻ : 115.000.000.000 (Một trăm mười lăm tỷ) đồng

Số tiền thu được từ đợt phát hành được dùng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Nước Dĩ An 200.000m³/ngày đêm (GD 1 công suất 100.000m³/ngày đêm) với giá trị dự kiến 265.041.915.230 đồng, cụ thể:

- + Chi phí xây dựng: 198.660.000.000 đồng
- + Chi phí thiết bị: 54.762.210.800 đồng
- + Ống D1400 (đoạn còn lại): 11.619.704.430 đồng (Tổng giá trị đầu tư của Tuyến D1400 là 112.579.010.430 đồng, Công ty đã đầu tư 110.959.306.000 đồng)
- Sau khi đầu tư mở rộng Nhà máy Nước Dĩ An, phần còn lại (xấp xỉ 40 tỷ đồng) dự kiến bổ sung vào vốn lưu động.

Hiện nay, tiến trình xin cấp phép đã hoàn thành bước Thông qua kết quả thẩm định thiết kế cơ sở Dự án do Bộ Xây dựng cấp. Dự kiến trong tháng 4/2019, Công ty sẽ nhận được Giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp. Do đó, cho đến khi Công ty nhận được giấy phép, Công ty cam kết sẽ không sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành..

VIII. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

1. Giới thiệu thông tin cơ bản về dự án

1.1 Tên dự án: Dự án Mở rộng nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000 m³/ngày.

1.2 Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một

1.3 Cơ quan lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (WASE)

1.4 Địa điểm thực hiện dự án: thị xã Dĩ An và thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

1.5 Quy mô công trình

- Lắp đặt thêm 03 máy bơm nước thô công suất mỗi bơm Q = 2.100m³/h ÷ 2.600m³/h , H = 55m và hệ thống điện.
- Xây dựng tuyến ống nước thô D1400, chiều dài 4.126m
- Xây dựng cụm xử lý bao gồm các hạng mục sau:
 - + Bể trộn công suất 200.000 m³/ngày (trong đó 100.000 m³/ngày cho tương lai)
 - + Bể phản ứng cơ khí + Bể Lắng lamella công suất 100.000 m³/ngày
 - + Bể lọc công suất 100.000 m³/ngày; Bể chứa nước sạch 16.000m³ và trạm bơm rửa lọc (lắp đặt 03 máy bơm nước và 03 máy bơm gió)



- + Lắp đặt thêm 02 máy bơm nước sạch tại trạm bơm hiện hữu, mỗi bơm có $Q = 2.300\text{m}^3/\text{h} \div 3.000\text{m}^3/\text{h}$, $H = 50\text{m}$ và hệ thống điện
- + Nhà hóa chất cho công suất $100.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ có dự phòng mở rộng cho tương lai
- + Nhà Clo cho công suất $100.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ có dự phòng mở rộng cho tương lai
- + Xây dựng 03 hồ lắng bùn và 01 bể thu hồi nước rửa lọc
- + Đường ống kỹ thuật thoát nước, lối đi nội bộ, cảnh quan...
- + Hệ thống điện động lực và hệ thống Scada...
- + Đấu nối ống nước sạch vào mạng lưới D1400, chiều dài 1.230m

1.6 Nguồn nước

Nguồn nước thô khai thác từ sông Đồng Nai tại trạm bơm nước thô Tân Ba.

1.7 Cấp công trình

Công trình cấp I, Nhóm B

1.8 Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư: 557.978.000.000 Đồng.

1.9 Tiến độ thực hiện

Từ Quý IV/2018 đến hết năm 2019.

2. Cơ sở pháp lý

2.1 Luật

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 do Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 2003 của Quốc hội nước cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội nước cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2.2 Nghị định

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng,
- Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây Dựng.



- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

2.3 Thông tư

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Thông tư 29/2009/TT-BXD Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng, mã số QCVN 02:2009/BXD;
- Thông tư 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.
- Thông tư số 05/2016/TT-BXD, ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ Xây dựng v/v Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng
- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây Dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 6/05/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư" quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp.

2.4 Quyết định

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.



2.5 Các tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng

- Tiêu chuẩn TCVN 5576-1991 - Hệ thống cấp và thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn TCVN 2737:1995 - Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5574:2012 - Kết cấu bê tông và Bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5575:2012 - Kết cấu cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 33-2006 - Tiêu chuẩn cấp nước, mạng lưới bên ngoài nhà và công trình.
- QCVN 07-1:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước.
- QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình

2.6 Các tài liệu cơ sở lập dự án

- Hồ sơ khảo sát địa chất, địa hình khu vực dự án.
- Điều kiện tự nhiên, xã hội khu vực dự án.
- Tài liệu quy hoạch chung đô thị Dĩ An đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

IX. MỤC TIÊU DỰ ÁN, PHẠM VI PHỤC VỤ, NHU CẦU DÙNG NƯỚC VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu dự án

Mục tiêu dự án được xác định là mở rộng nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000 m³/ngày nhằm đáp ứng nhu cầu dùng nước của huyện Dĩ An và các khu vực lân cận trong phạm vi cấp nước của nhà máy đến năm 2020.

2. Phạm vi dự án

Hiện tại, phạm vi phục vụ của nhà máy nước Dĩ An đã bao phủ được 20 đơn vị hành chính thuộc các khu vực Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An, và Tân Uyên cụ thể như sau:

- Thành phố Thủ Dầu Một: phường Phú Hòa.
- Thị xã Dĩ An: có 7 phường: Dĩ An, An Bình, Tân Đông Hiệp, Đông Hòa, Tân Bình, Bình An, Bình Thắng.
- Thị xã Thuận An: có 9 phường: Lái Thiêu, An Thạnh, Vĩnh Phú, Bình Hòa, Thuận Giao, Bình Chuẩn, Bình Nhâm, Hưng Định.
- Thị xã Tân Uyên: Thị trấn Tân Phước Khánh, thị trấn Thái Hòa, xã Thạnh Phước.

Căn cứ hiện trạng và kế hoạch phát triển các hệ thống cấp nước của tỉnh Bình Dương thì nhà máy nước Dĩ An và nhà máy nước Thủ Dầu Một là 02 nguồn cung cấp nước sạch cho toàn bộ khu vực Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và một phần của thị xã Tân Uyên (Thị trấn Tân Phước Khánh, thị trấn Thái Hòa, xã Thạnh Phước). Do đó việc xác định nhu cầu dùng nước của dự án sẽ được tư vấn tính toán và dự báo trên phạm vi của toàn bộ khu

vực thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An và Thị trấn Tân Phước Khánh, thị trấn Thái Hòa, xã Thạnh Phước thuộc thị xã Tân Uyên giai đoạn đến năm 2020 và định hướng cho tương lai xa hơn.

3. Nhu cầu dùng nước

Nhu cầu dùng nước được xác định thông qua các đối tượng dùng nước và mục đích dùng nước, hiện tại, các đối tượng dùng nước bao gồm

- Nước dùng cho sinh hoạt của người dân trong phạm vi phục vụ của Hệ thống cấp nước.
- Nhu cầu dùng nước của các cơ sở dịch vụ
- Nhu cầu dùng nước của các cơ quan hành chính, sự nghiệp
- Nhu cầu dùng nước của các cơ sở sản xuất tiểu thủ công
- Nhu cầu dùng nước của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp
- Nhu cầu dùng nước của bản thân nhà máy xử lý nước

3.1 Quy mô dân số tính toán

Theo niên giám thống kê của Bình Dương, tình hình phát triển dân số trong các năm qua như sau:

Bảng 27: Thông kê dân số khu vực dự án

Khu Vực	Số Dân (người)			
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thành phố Thủ Dầu Một	276.231	286.707	297.587	299.851
Thị xã Thuận An	453.389	469.164	470.169	503.434
Thị xã Dĩ An	387.552	396.313	390.859	398.232
Huyện Tân Uyên	194.146	200.150	237.626	279.808
Huyện Bến Cát	208.006	217.434	231.291	259.443

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

Bảng 28: Tốc độ tăng dân số trung bình trong các năm và cho từng năm

Khu vực	Tỷ lệ tăng dân số (%)			Trung bình
	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	
Thành phố Thủ Dầu Một	3,79%	3,79%	0,76%	2,78%



Thị xã Thuận An	3,48%	0,21%	7,08%	3,59%
Thị xã Dĩ An	2,26%	-1,38%	1,89%	0,92%
Thị xã Tân Uyên	3,09%	18,72%	17,75%	13,19%
Thị xã Bến Cát	4,53%	6,37%	12,17%	7,69%
Toàn khu vực	3,43%	5,55%	7,93%	5,64%

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

Như vậy tốc độ phát triển dân số trung bình toàn khu vực là 5,64%/năm khá phù hợp với dự báo tốc độ phát triển dân số được nêu trong quy hoạch quy hoạch chung xây dựng Đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 26/06/2012 của UBND Tỉnh Bình Dương) là 6%/năm, tuy nhiên mỗi địa phương có tốc độ phát triển dân số khác nhau. Các khu vực đã được quy hoạch ổn định có tốc độ tăng dân số ngày càng chậm lại như Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An. Các khu vực đang được đầu tư phát triển có tốc độ tăng dân số cao như thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên. Do vậy để phù hợp với tình hình thực tế của khu vực, các số liệu về tốc độ phát triển dân số của khu vực dự án trong các giai đoạn được đề xuất như sau:

Bảng 29: Tốc độ phát triển dân số các khu vực qua từng thời kỳ

Khu vực thuộc địa bàn	Tốc độ phát triển dân số các giai đoạn (%)		
	2017 - 2020	2020 - 2025	2025 - 2030
Thành phố Thủ Dầu Một	3,0%	2,5%	2,0%
Thị xã Thuận An	3,5%	3,0%	2,5%
Thị xã Dĩ An	2,0%	2,0%	1,5%
Thị xã Tân Uyên	10,0%	10,0%	10,0%

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

Với tốc độ tăng dân số đề xuất như trên, dự báo dân số trong khu vực phục vụ của dự án được tính toán như sau:

Bảng 30: Dự báo dân số khu vực dự án

Khu vực thuộc địa bàn	Dân số hiện trạng	Dân số dự báo (người)
-----------------------	-------------------	-----------------------

	Năm 2017	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Thành phố Thủ Dầu Một	299.851	327.655	365.339	387.889
Thị xã Thuận An	503.434	558.166	637.735	693.989
Thị xã Dĩ An	398.232	422.607	466.592	483.275
Thị xã Tân Uyên		-	-	-
Thị trấn Tân Phước Khánh	36.178	48.153	77.551	124.896
Thị trấn Thái Hòa	32.058	42.669	68.719	110.673
Phường Thạnh Phước	11.757	15.649	25.202	40.588
Tổng	1.281.510	1.414.899	1.641.138	1.841.310

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

3.2 Nhu cầu dùng nước

Với các thông số tính toán như trên, nhu cầu dùng nước của khu vực dự án được tính toán như sau:

Bảng 31: Dự báo nhu cầu dùng nước khu vực dự án

STT	Nhu cầu dùng nước	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
I	Nhu cầu nước cho sinh hoạt:	m ³ /ngđ	180.400	251.094	331.436
1	Dân số	Người	1.414.899	1.641.138	1.841.310
2	Tỉ lệ dân số được cấp nước	%	85%	90%	100%
3	Dân số trong phạm vi cấp nước	Người	1.202.664	1.477.024	1.841.310
4	Tiêu chuẩn cấp nước	lit/người/ngày	150	170	180
II	Nhu cầu nước cho Kinh doanh, dịch vụ	m ³ /ngđ	9.020	12.555	16.572
III	Nhu cầu nước cho Hành chính sự nghiệp	m ³ /ngđ	18.040	25.109	33.144
IV	Nước cho sản xuất công nghiệp	m ³ /ngđ	65.579	65.579	65.579



STT	Nhu cầu dùng nước	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Khu Công nghiệp Vsip (đã lắp đầy 100%)	472,9 ha	28.000	28.000	28.000
2	Khu Công nghiệp Sóng Thần (đã lắp đầy khoảng 83%)	457,28 ha	16.000	16.000	16.000
3	Khu Công nghiệp Đồng An (đã lắp đầy 100%)	137,9 ha	6.309	6.309	6.309
4	Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp B (đã lắp đầy 78%)	162,92 ha	1.500	1.500	1.500
5	Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A (đã lắp đầy 100%)	50,44 ha	679	679	679
6	Khu Công nghiệp Dệt may Bình An (đã lắp đầy 96%)	25,9 ha	160	160	160
7	Khu Chế xuất Linh Trung II (đã lắp đầy 100%)	62 ha	2.246	2.246	2.246
8	Cụm Công nghiệp Út Tân, Chí Hùng, 7 Mẫu (đã lắp đầy 100%)	-	1.060	1.060	1.060
9	Các doanh nghiệp dọc tuyến đường ĐT 743 (đã lắp đầy 100%)	-	9.625	9.625	9.625
V	Tổng cộng		273.039	354.337	446.731
VI	Nước thất thoát	m ³ /ngđ	27.304	35.434	44.673
VII	Nước cho bản thân nhà máy	m ³ /ngđ	15.017	19.489	24.570
VIII	Tổng công suất nhà máy nước	m ³ /ngđ	315.360	409.259	515.974
IX	Tính tròn	m ³ /ngđ	315.000	409.000	516.000

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

Như vậy, theo tính toán cho thấy nhu cầu dùng nước của khu vực dự án vào năm 2020 nhu cầu này là **315.000 m³/ngày**, đến năm 2025 nhu cầu này là **409.000 m³/ngày** và đến năm 2030 nhu cầu dùng nước của khu vực dự án là **516.000 m³/ngày**. So sánh nhu cầu này với hiện trạng cấp nước của khu vực cho thấy, hiện nay tổng công suất cấp nước của các nhà máy



xử lý nước là **215.000 m³/ngày** (bao gồm 35.000 m³/ngày từ nhà máy nước Thủ Dầu Một và 180.000 m³/ngày từ nhà máy nước Dĩ An) thì đến năm 2020 nguồn nước cấp cho khu vực sẽ thiếu **100.000 m³/ngày**, đến năm 2025 sẽ thiếu **194.000 m³/ngày** và đến năm 2030 khu vực sẽ thiếu **301.000 m³/ngày**.

3.3 Sự cần thiết phải đầu tư

Thành phố Thủ Dầu Một, thị xã Dĩ An và thị xã Thuận An là 03 đô thị hạt nhân trong chùm đô thị Nam Bình Dương, đây là vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Bình Dương nói riêng và của cả nước nói chung. Trong suốt thời gian vừa qua, chùm đô thị Nam Bình Dương luôn là điểm nóng về phát triển kinh tế, xã hội và đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Với các kết quả đó, Bình Dương được kỳ vọng trở thành đầu tàu kinh tế phát triển mạnh nhất của cả nước trong thời gian tiếp theo, khu vực dự án dự kiến sẽ tiếp tục phát huy tốc độ phát triển kinh tế xã hội như những năm vừa qua.

Song song với tốc độ phát triển kinh tế xã hội, tình hình phát triển các hệ thống cấp nước cũng diễn ra hết sức nhanh chóng. Các thống kê cho thấy, tình hình phát triển hệ thống cấp nước tại khu vực Nam Bình Dương đang diễn ra rất mạnh mẽ, tỷ lệ tăng trưởng đầu nổi trung bình đạt xấp xỉ 21%/năm, sản lượng tiêu thụ nước sạch đạt xấp xỉ 18%/năm và tăng trưởng doanh thu đạt khoảng 12,5%/năm.

Hiện nay các nhu cầu dùng nước sạch trong khu vực được cung cấp từ nguồn nước của nhà máy nước Thủ Dầu Một công suất 35.000 m³/ngày và Nhà Máy nước Dĩ An công suất 180.000 m³/ngày (tổng cộng là 215.000 m³/ngày). Nhu cầu dùng nước hiện tại của khu vực đã vượt quá khả năng cung cấp của các nhà máy. Nhà máy nước Thủ Dầu Một đã vận hành hết công suất, việc cấp nước cho các đầu nổi mới hàng năm đều do Nhà máy nước Dĩ An đảm nhận. Hiện nay nhà máy nước Dĩ An đã phải hoạt động với công suất khoảng 210.000 m³/ngày (công suất thiết kế 180.000 m³/ngày) mà chỉ đáp ứng được khoảng 75% nhu cầu nước sinh hoạt của dân cư trong khu vực.

Qua tính toán dự báo nhu cầu dùng nước của khu vực dự án cho thấy nhu cầu sử dụng nước sạch đến năm 2020 của toàn bộ khu vực là 315.000 m³/ngày, đến năm 2025 nhu cầu sử dụng nước sạch là 409.000 m³/ngày và đến năm 2030 nhu cầu sử dụng nước sạch là 516.000 m³/ngày. Với các dự báo về nhu cầu dùng nước như trên và hiện trạng hoạt động của các nhà máy nước thì đến năm 2020 lượng nước sạch cần thiết bổ sung thêm cho khu vực là 100.000 m³/ngày, đến năm 2025 lượng nước sạch cần bổ sung thêm là 194.000 m³/ngày và đến năm 2030 lượng nước sạch cần bổ sung thêm cho khu vực sẽ là 301.000 m³/ngày.

Để cung cấp đầy đủ nước sạch cho các hoạt động sống của người dân và đảm bảo các nhu cầu dùng nước trong sản xuất đến năm 2020, việc bổ sung thêm nguồn nước sạch với công suất 100.000 m³/ngày là hết sức cần thiết và cấp bách. Với tốc độ phát triển kinh tế xã hội và tăng trưởng về tiêu thụ nước sạch như đã nêu trên, nếu không kịp thời bổ sung nguồn nước sạch sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt nước sạch một cách trầm trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sống của người dân, kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực. Do vậy công tác bổ sung nguồn nước sạch phải được thực hiện ngay mới có thể kịp thời đáp ứng

được nhu cầu dùng nước của khu vực.

Bên cạnh đáp ứng các nhu cầu dùng nước của khu vực, việc đầu tư bổ sung nguồn nước sạch cũng đảm bảo sự đồng bộ trong phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an toàn bền vững cho các hoạt động sống và sản xuất công nghiệp, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng thông qua việc sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh...

Bảng 32: Các thông số sử dụng để phân tích khả năng hoàn vốn của dự án

Thông số	Giá trị	Đơn vị	Ghi chú
Tổng mức đầu tư	557.978	Tr. đồng	
Số năm vận hành	26	Năm	
Giá nước kinh doanh trung bình	6.052	đồng/m ³	Đã có VAT
Sản lượng nước dự tính năm đầu	100.000	m ³ /ngày	
Lạm phát	5%	/năm	
Tăng trưởng giá nước	5%	/năm	
Tỷ lệ dùng cho bản thân	5%		
Chi phí hóa chất	229,2	đồng/m ³	
Chi phí điện năng	566,4	đồng/m ³	
Chi phí nhân công	125,0	đồng/m ³	
Chi phí khác	48,0	đồng/m ³	
Chi phí duy tu bảo dưỡng	40,4	đồng/m ³	
Thuế tài nguyên	40,0	đồng/m ³	
Chi phí khấu hao cơ bản	807,2	Tr. đồng	

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

Bảng 33: Kết quả chính phân tích Kinh tế - Tài chính

Kết quả tính toán	
IRR	21,94%



NPV	\$833.136
Thời gian thu hồi vốn	9 năm, 05 tháng

(Nguồn: BCNCKT Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An thuộc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một nâng thêm công suất 100.000m³/ngày)

X. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH KHÔNG THÀNH CÔNG

Với tổng mức đầu tư dự án là 557,978 tỷ đồng, Công ty đã chủ động đầu tư hệ thống đường ống nước là 110 tỷ đồng, phần còn lại của dự án sẽ được tài trợ từ dòng tiền huy động được thông qua phát hành cổ phiếu và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Trên thực tế, căn cứ vào kết quả đặt mua cổ phiếu TDM của các nhà đầu tư (CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam và CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong) và các Nhà đầu tư khác, diễn biến cầu của thị trường về cổ phiếu TDM, giá giao dịch của cổ phiếu TDM, Hội đồng quản trị hoàn toàn tin tưởng có thể phân phối hết lượng cổ phiếu đăng ký phát hành. Nếu sau thời gian đầu giá công khai cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, thị trường không hấp thụ hết lượng cổ phiếu đó, HĐQT cam kết sẽ phân phối hết cho các nhà đầu tư khác để thu được đủ số vốn tài trợ cho dự án mở rộng nhà máy nước Dĩ An. Ngoài ra, kênh tín dụng từ Ngân hàng cũng là kênh huy động mà Công ty có thể sử dụng. Hiện tại, Công ty đã nhận được hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi từ Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương là 180 tỷ đồng (Theo công văn số 360/ĐTPT-TĐ ngày 27/12/2018).

Do đó, dự án nâng cấp công suất nhà máy nước Dĩ An hoàn toàn có thể chủ động triển khai mà không phụ thuộc vào kết quả của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

XI. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một và đợt phát hành cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT có một số nhận định như sau:

Cổ phiếu TDM được nhà đầu tư đánh giá rất cao về năng lực hoạt động và tiềm năng phát triển. Thực tế, trên thị trường chứng khoán nhu cầu về cổ phiếu TDM của Nhà đầu tư rất lớn. Đồng thời, mong muốn sở hữu lâu dài cổ phiếu TDM cũng khiến cho nguồn cung TDM vô cùng hạn chế. Dẫn đến tính thanh khoản của cổ phiếu TDM rất thấp. Việc phát hành thêm 14.500.000 cổ phiếu TDM sẽ giải quyết được nhu cầu nắm giữ trên của Nhà đầu tư. Và với việc sử dụng tiền thu được để mở rộng năng lực sản xuất trong ngành nghề kinh doanh thiết yếu là ngành nước sẽ là sức hút lớn và khiến Nhà đầu tư sẵn sàng đăng ký mua cổ phiếu.

Với những nhận định trên, tổ chức tư vấn tin tưởng đợt phát hành sẽ thành công theo đúng kế hoạch của tổ chức phát hành.



XII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ: Tầng 6 – Tòa nhà HUD, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3840 6618

Fax: (84-28) 3840 6616

Website: www.vaco.com.vn

3. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2017, 2018

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3824 3973

Website: www.aasc.com.vn

XIII. PHỤ LỤC

- Bản cáo bạch chào bán ra công chúng;
- NQ ĐHĐCĐ bất thường số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/10/2018;
- Tờ trình ĐHĐCĐ số 38/TTr-HĐQT ngày 17/10/2018;
- NQ HĐQT số 42/NQ-HĐQT ngày 14/11/2018;
- NQ HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 26/02/2019;
- BCTC Kiểm toán năm 2018, 2017;
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
- Các tài liệu cấp phép liên quan đến Dự án Mở rộng Nhà máy nước Dĩ An công suất tăng thêm 100.000 m³/ngđ;
- Các tài liệu khác (nếu có).

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2018

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Trí

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thế Hưng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Tăng Cổ Văn

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Ngọc Thanh

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT



GIAM ĐỐC TÀI CHÍNH
VŨ NAM HƯƠNG